

SÁNG KIẾN MẠNG LƯỚI VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH
VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM (JANI)

CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ ĐIỂN HÌNH VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG CAO VIỆT NAM



CENTRE FOR INTERNATIONAL
STUDIES AND COOPERATION



ỦY BAN CHÂU ÂU

VIỆN TRỢ NHÂN ĐẠO

THỰC HIỆN BỞI:

Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế (CECI)
Trung tâm sống và học tập vì môi trường và cộng đồng (Live&Learn)
Được tài trợ bởi: Cục viện trợ nhân đạo - Ủy ban Châu Âu

MỤC LỤC

VIẾT TẮT.....	2
DANH MỤC HÌNH	3
LỜI MỞ ĐẦU	4
GIỚI THIỆU VÀ TÓM TẮT.....	5
PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG CAO VIỆT NAM	7
1. CÁC LOẠI HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM THIÊN TAI Ở VÙNG CAO.....	7
2. NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG MIỀN NÚI.....	9
3. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG MIỀN NÚI VIỆT NAM.....	10
PHẦN 2. CÁC ĐIỂN HÌNH TỐT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG CAO	11
GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI XẢY RA THIÊN TAI	11
1. Bài học kinh nghiệm về trang bị và sử dụng hệ thống cảnh báo sớm.....	12
1.1 Hệ thống cảnh báo sớm được thực hiện như thế nào ở vùng cao.....	12
1.2 Các bài học kinh nghiệm về hệ thống cảnh báo sớm.....	13
2 Kinh nghiệm nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	17
2.1 Các hoạt động nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực về quản lý thiên tai đang thực hiện như thế nào ở vùng núi.....	17
2.2 Các bài học kinh nghiệm về nâng cao nhận thức và năng lực ở vùng miền núi.....	17
3. Kinh nghiệm sử dụng các công cụ đánh giá và xây dựng kế hoạch quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở vùng cao.....	24
3.1 Các công cụ đánh giá và lập kế hoạch quản lý thiên tai đang được thực hiện như thế nào.....	24
3.2 Bài học kinh nghiệm.....	24
4. Kinh nghiệm về thành lập các nhóm quản lý thiên tai nòng cốt cấp thôn.....	27
GIAI ĐOẠN TRONG THIÊN TAI	29
5. Kinh nghiệm từ công tác ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.....	29
5.1 Công tác ứng phó và cứu trợ khẩn cấp được thực hiện như thế nào.....	29
5.2 Các bài học kinh nghiệm ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.....	29
GIAI ĐOẠN SAU THIÊN TAI	36
6. Xây dựng và sửa chữa nhà cửa và các công trình công cộng.....	36
6.1 Việc sửa chữa và xây dựng nhà cửa, các công trình công cộng như thế nào sau thiên tai?.....	36
6.2 Các bài học kinh nghiệm.....	37
7. Hoạt động sinh kế tại vùng cao.....	39
7.1 Các hoạt động sinh kế thực hiện như thế nào tại vùng cao.....	39
7.2 Các bài học kinh nghiệm về sinh kế tại vùng miền núi.....	39
PHỤ LỤC	
Phụ lục 1. CÁC DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG QLRR TT TẠI VÙNG CAO VIỆT NAM.....	44
Phụ lục 2. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	46
Phụ lục 3. DANH SÁCH THAM GIA PHỎNG VẤN.....	47

VIẾT TẮT

AAV	ActionAid Việt Nam
ADPC	Trung tâm phòng chống thiên tai Châu Á
ADRA	Cơ quan Phát triển và Cứu trợ Cơ Đốc Phục Lâm tại Việt Nam
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BQLDA	Ban Quản lý dự án
CECI	Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế
CHCN	Cứu hộ cứu nạn
CSR	Trách nhiệm xã hội
DWF	Tổ chức Hội thảo Phát triển Pháp
ECHO	Cơ quan Cứu trợ nhân đạo của Ủy Ban Châu Âu
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
GNTT	Giảm nhẹ thiên tai
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
HTCBS	Hệ thống cảnh báo sớm
VCA	Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng
IEC	Thông tin, Giáo dục và Truyền thông
JANI	Sáng kiến Mạng lưới Vận động Chính sách về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam
KH	Kế hoạch
KTTV	Khí tượng thủy văn
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
MONRE	Bộ Tài nguyên Môi trường
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NLRC	Hội Chữ thập đỏ Hà Lan
QLRRTT-DVCĐ	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
QLTT	Quản lý thiên tai
SC	Tổ chức Cứu trợ trẻ em
ToT	Tập huấn cho tập huấn viên
TTQLTT	Trung tâm quản lý thiên tai
UBND	Ủy ban nhân dân
UBPCLB	Ủy ban phòng chống lụt bão
UPCTKC	Ứng phó và Cứu trợ khẩn cấp
VND	Đồng Việt Nam

DANH MỤC HÌNH

Hình 1	Bản đồ các vùng thiên tai tại Việt Nam
Hình 2	Thiết bị đo mưa đơn giản ở Yên Bái (sưu tầm)
Hình 3	Thiết bị đo mưa ở Nghệ An (CECI)
Hình 4	Cọc báo lũ ở Nghệ An (CECI)
Hình 5	Cọc cảnh báo và kèng cảnh báo ở thôn Đức Xuyên xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, Tỉnh Đak Nông (AAV)
Hình 6	Cọc cảnh báo và kèng cảnh báo ở thôn Đức Xuyên xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đak Nông (AAV)
Hình 7	Biển cảnh báo lũ quét, sạt lở đất theo cấp độ mưa ở xã Đak Rơ ông (KonTum)
Hình 8	Biển cảnh báo lũ quét, sạt lở đất theo thời gian ở xã Đak Tơ Kan (Kon Tum)
Hình 9	Con chim cười ở huyện miền núi Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận
Hình 10	Bảng cảnh báo thiên tai được dịch sang tiếng Xê Đăng ở tỉnh Kon Tum
Hình 11	Bảng cảnh báo rủi ro thiên tai có hình ảnh trang phục dân tộc ở tỉnh Lào Cai
Hình 12	Tài liệu truyền thông IEC về nguyên tắc 4 tại chỗ được dịch sang tiếng Xê Đăng ở tỉnh Kon Tum (CECI)
Hình 13	Trẻ em xã Thuận (Quảng Trị) đang thảo luận trong buổi tập huấn làm phim có sự tham gia (Plan International)
Hình 14	Bản đồ hiểm họa kỹ thuật số của xã Bản Hồ, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai (CECI)
Hình 15	Bản đồ hiểm họa do trẻ em thôn A Đang xã A Ngọ (Quảng Trị) vẽ (Plan Vietnam)
Hình 16	Anh Văn Phú Nam, thành viên đội CHCN
Hình 17	Py Bach, bà mẹ trẻ có hai con nhỏ
Hình 18	Phiếu cấp phát tiền cứu trợ sau bão số 4 năm 2008 (Oxfam)
Hình 19	Y Nui và chồng, A Lap ký nhận tiền
Hình 20	Người dân ở thôn cải tạo đường đi làm ruộng sau cơn bão
Hình 21	Trồng cây Vanilla ở xã Hồng Hạ (Thừa Thiên Huế)
Hình 22	Bản đồ địa bàn (tỉnh) của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quản lý rủi ro thiên tai- Dựa vào cộng đồng tại Vùng cao Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Miền núi Việt Nam chiếm diện tích 3/4 lãnh thổ quốc gia trải dài từ Bắc vào Nam, có đặc điểm phức tạp về địa hình và đa dạng về kết cấu dân cư. Vùng miền núi cũng là nơi cư trú của phần lớn các dân tộc thiểu số.

Trong 30 năm qua, khu vực miền núi đã nhận được rất nhiều chính sách ưu tiên của Chính phủ cũng như các chương trình hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước. Tuy nhiên, so với cả nước, tình hình kinh tế xã hội của cộng đồng vùng cao vẫn còn kém phát triển. Hiện nay, miền núi vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn như: Đói nghèo, học vấn thấp, thiếu nước sinh hoạt và các dịch vụ xã hội, dân số tăng nhanh, suy dinh dưỡng với tỷ lệ cao...

Khó khăn về mặt kinh tế-xã hội đi kèm với những nguy cơ rủi ro thiên tai luôn đe dọa, rình rập. Trong những năm gần đây, thiên tai tại các vùng núi thường xảy ra với mức độ phức tạp hơn trước. Lở đất, lũ quét, hạn hán và giá rét xảy ra bất thành linh ở quy mô lớn và cường độ khó đoán, trong đó, lở đất và lũ quét là những thiên tai thường xảy ra nhất tại khu vực này. Những loại hình thiên tai mới trước đây chưa từng xảy ra hoặc rất hiếm khi xảy ra đã bắt đầu xuất hiện tại những vùng miền núi như động đất, cháy rừng.

Thiên tai đe dọa sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực miền núi, có khả năng hủy hoại những nỗ lực “xóa đói giảm nghèo” và đưa khu vực miền núi “tái nghèo” chỉ sau một trận lở đất hay lũ quét.

Trong *Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020*, phương châm phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở vùng miền núi là chủ động phòng tránh. Trong đó thực hiện các nhiệm vụ: Lập bản đồ vùng có nguy cơ cao về lũ quét, lập quy hoạch dân cư và sử dụng đất, quản lý việc khai thác khoáng sản, tăng cường hệ thống cảnh báo sớm...

Trong đặc điểm tự nhiên-kinh tế-xã hội đa dạng, phức tạp của khu vực miền núi, vai trò của cộng đồng càng cần được nâng cao và phát huy tác dụng trong công tác quản lý rủi ro thiên tai. Cộng đồng được chuẩn bị tốt sẽ giảm thiểu mất mát về người và tài sản, cũng như nâng cao khả năng ứng phó thiên tai của các cộng đồng địa phương miền núi. Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 17/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng*” ở 6000 xã và thôn dễ bị tổn thương trên khắp cả nước trong vòng 12 năm từ 2009 tới 2020. Đây là bước tiến rất quan trọng trong việc thúc đẩy và nhận rộng phương pháp tiếp cận này ở khu vực miền núi.

Tập hợp các kinh nghiệm và điển hình làm tốt trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QLRRTT-DVCD) ở khu vực vùng cao Việt Nam là một trong những hoạt động chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm của mạng lưới JANI. Câu hỏi đặt ra ở đây là “*Làm thế nào để tập hợp và chia sẻ những kinh nghiệm hay, những bài học bổ ích từ các đối tác khác nhau để công tác quản lý thiên tai ở miền núi hiệu quả hơn*”. Chính vì vậy, tài liệu này đã tìm tòi, thu thập và tham vấn thông tin, câu chuyện, và bài học kinh nghiệm từ các tổ chức NGO, khu vực tư nhân, các tổ chức đoàn thể, các nhóm tình nguyện, cộng đồng... để có được một bức tranh toàn diện hơn về quản lý thiên tai tại khu vực miền núi.

Hy vọng rằng, sản phẩm của hoạt động này sẽ đóng góp những nỗ lực ý nghĩa cho công tác quản lý rủi ro thiên tai tại khu vực miền núi Việt Nam và góp phần mang lại một cuộc sống an toàn cho người dân nơi đây.

GIỚI THIỆU VÀ TÓM TẮT

Trong khuôn khổ hoạt động 2.4 của dự án Sáng kiến Mạng lưới Vận động chính sách (JANI), “*Kinh nghiệm và bài học điển hình về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực vùng cao Việt Nam*” là tài liệu và quá trình tập hợp những câu chuyện thành công, bài học kinh nghiệm, những điểm cần lưu ý trong hoạt động quản lý thiên tai, các tiến trình hay phương pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại khu vực miền núi Việt Nam.

Cùng với những chia sẻ kinh nghiệm/bài học của các tổ chức trong mạng lưới JANI, tài liệu này cũng bao gồm thông tin tham vấn và các bài học kinh nghiệm thu thập từ các tổ chức NGO khác và khu vực tư nhân. Và tài liệu cũng tìm tòi những chia sẻ của các tổ chức đoàn thể, các nhóm tình nguyện, cộng đồng... để có những kinh nghiệm đa dạng từ các đối tác khác nhau.

Việc thu thập thông tin đã được tiến hành thông qua các tài liệu, báo cáo từ các tổ chức, các thông tin được tổng hợp từ các nguồn dữ liệu trực tuyến trong nước và quốc tế, các chuyến đi thực địa tới địa bàn vùng gặp thiên tai, phỏng vấn qua điện thoại và gặp gỡ trực tiếp. Trong một thời gian ngắn, tài liệu cũng không thể tránh được những thiếu sót trong việc thu thập và phân tích thông tin, đặc biệt từ cộng đồng các dân tộc vùng cao.

Đối tượng chính của tài liệu này là các cán bộ trong các cơ quan nhà nước, các nhà hoạch định chính sách, cán bộ hội chữ thập đỏ, các tổ chức phi chính phủ, và cán bộ chính quyền địa phương chịu trách nhiệm quản lý rủi ro thiên tai ở các huyện, xã thuộc khu vực miền núi. Đồng thời, tài liệu cũng mong muốn chia sẻ các kinh nghiệm

tới các cá nhân, tổ chức, cơ quan báo chí, doanh nghiệp... quan tâm đến lĩnh vực và địa bàn này.

Nội dung tham vấn và thu thập thông tin được xây dựng và kết cấu theo quá trình TRƯỚC - TRONG - SAU khi thiên tai xảy ra, nhằm tạo thuận lợi cho sự theo dõi và vận dụng kinh nghiệm. Có thể tóm tắt các kinh nghiệm và bài học điển hình cơ bản về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại vùng cao Việt Nam theo 3 giai đoạn như sau:

TRƯỚC KHI THIÊN TAI XẢY RA:

1. Bài học kinh nghiệm về trang bị và sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng cảnh báo sớm:

- Đối với hệ thống cảnh báo sớm sử dụng công nghệ, cần có thời gian để kiểm chứng tính hiệu quả tối ưu tại vùng cao.
- Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quá trình lựa chọn loại hình cảnh báo sớm, vận hành và quản lý hệ thống cảnh báo có ý nghĩa quan trọng hơn công nghệ.
- Cần kết hợp các phương thức truyền thông để nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm.
- Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm dân gian cũng như những đúc kết từ thực tế trong công tác cảnh báo.

2. Bài học kinh nghiệm về nâng cao nhận thức và năng lực về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Sử dụng ngôn ngữ địa phương trong công tác tập huấn và truyền thông.
- Tận dụng nguồn lực văn hóa địa phương trong công tác tập huấn và truyền thông.
- Lựa chọn các công cụ truyền thông thích hợp tại miền núi.

- Sử dụng mạng lưới tình nguyện viên để phổ biến thông điệp thông tin, giáo dục, truyền thông
- Có các cách tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3. Bài học kinh nghiệm về sử dụng các công cụ Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng - VCA (bản đồ hiểm họa,...).

- Tầm quan trọng của tập huấn cho cán bộ từ nhiều ban ngành và từ các cấp.
- Vận dụng các công cụ có sự tham gia của cộng đồng kết hợp với các thông tin khoa học, như trường hợp kết hợp bản đồ hiểm họa vẽ tay và kỹ thuật số.

4. Kinh nghiệm về thành lập các nhóm nòng cốt cấp thôn như Ban phòng chống thiên tai cấp thôn (GNNT), Ban cứu hộ cứu nạn/Tìm kiếm cứu hộ cấp thôn (CHCN); Đội xung kích cấp thôn.

TRONG KHI THIÊN TAI XẢY RA:

5. Trong công tác ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.

- Chuẩn bị tổ kế hoạch ứng phó khẩn cấp góp phần giảm thiểu rủi ro.
- Chú trọng điều phối cứu trợ và huy động sự tham gia của các nhà cung cấp và tình nguyện viên địa phương tăng hiệu quả cứu trợ và giảm chi phí.
- Huy động sự tham gia của khối tư nhân và tăng cường hợp tác công - tư trong việc giảm rủi ro thiên tai.
- Lưu ý khi phân phối hàng viện trợ khẩn cấp: đúng nhu cầu thực tế của người dân, lưu ý tới nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, kết hợp phân phát

hàng viện trợ khẩn cấp với tập huấn cho các cán bộ ở các cấp, đặc biệt là về y tế và vệ sinh.

- Luôn quan tâm tới công tác truyền thông, đảm bảo thông tin công khai minh bạch tới các thành viên cộng đồng trong quá trình cứu trợ;
- Kết hợp các hình thức cứu trợ và hình thức cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện ở khu vực miền núi cần được cân nhắc và có sự đánh giá công tác hậu mà hình thức này được giảm so với việc hỗ trợ bằng lương thực và nhu yếu phẩm.

SAU KHI THIÊN TAI XẢY RA:

6. Xây dựng và sửa chữa nhà cửa và các công trình công cộng.

- Sự tham gia của người dân là yếu tố quan trọng trong chất lượng cải tạo lại/xây mới nhà hay các công trình công cộng.
- Lưu ý tới thời gian xây nhà ở vùng cao phù hợp với điều kiện khí hậu và văn hóa địa phương.

7. Hỗ trợ hoạt động sinh kế đối với quản lý rủi ro thiên tai ở vùng cao.

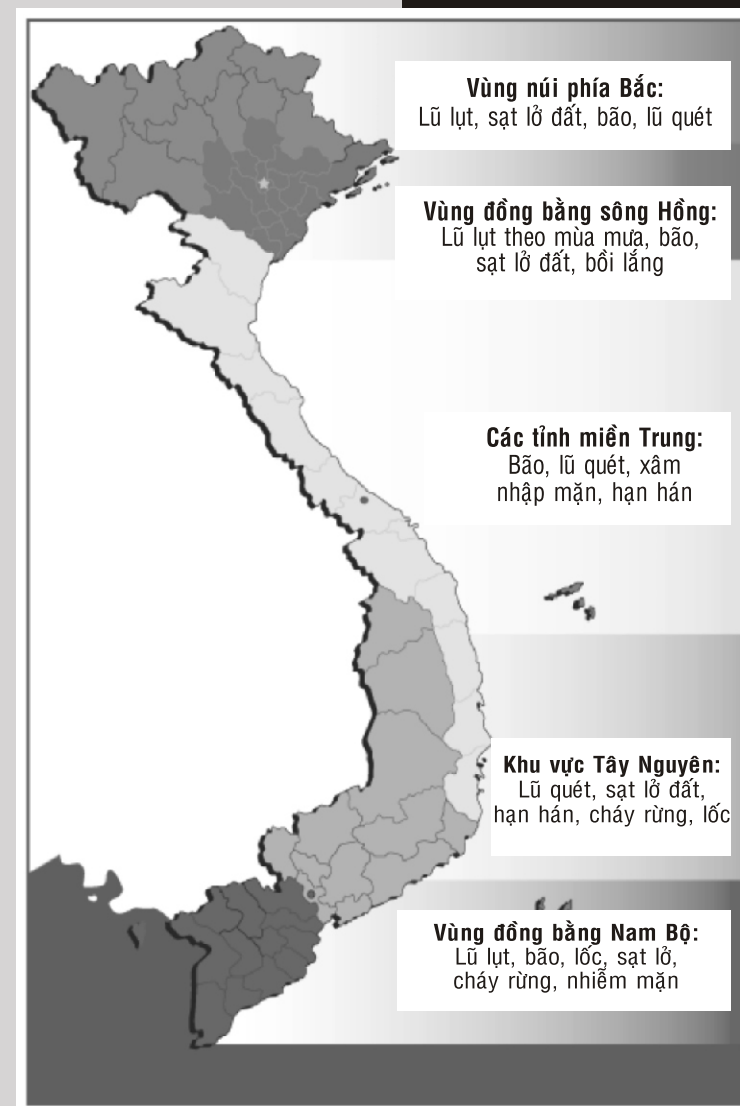
- Vai trò của cộng đồng trong việc lựa chọn các hộ gia đình phù hợp để thực hiện các hoạt động sinh kế và trong quá trình thực hiện các hoạt động sinh kế.
- Huy động sự tham gia của phụ nữ thiểu số ở vùng cao trong các hoạt động sinh kế.
- Vai trò của các tổ chức liên quan trong việc lựa chọn loại cây hay gia súc/gia cầm chăn nuôi.
- Cần nhấn mạnh tới vai trò và hiệu quả của các hoạt động sinh kế đối với phòng ngừa rủi ro thiên tai bên cạnh hiệu quả kinh tế.

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG CAO VIỆT NAM

1. CÁC LOẠI HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM THIÊN TAI Ở VÙNG CAO

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, Việt Nam là một trong những nước dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhất trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Do đặc điểm địa hình, Việt Nam rất dễ chịu tác động bởi bão, lụt, hạn hán, nước biển xâm lấn, lở đất, cháy rừng và đôi khi cả động đất. Trung bình hàng năm, các loại thiên tai đã gây thiệt hại đáng kể như làm chết và mất tích 450 người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 1,5% GDP.¹ Mức độ thiên tai ở Việt Nam ngày càng gia tăng cả về quy mô cũng như chu kỳ lặp lại kèm theo những đợt biến khó lường.

Đặc biệt, thiên tai tại các vùng núi thường xảy ra với mức độ phức tạp hơn trước. Lở đất, lũ quét, hạn hán và giá rét xảy ra bất thành hình ở quy mô lớn và cường độ khó đoán, trong đó, lở đất và lũ quét là những thiên tai thường xảy ra nhất tại khu vực này.²



Hình 1: Bản đồ các vùng thiên tai tại Việt Nam

¹Trung tâm quản lý thiên tai, Bộ NNPTNT, 2011. Tài liệu hướng dẫn QLRRTT dựa vào cộng đồng.

² Phương, Nguyễn Thanh - Trung tâm quản lý thiên tai bài trình bày tại hội thảo CECI, tháng 12, 2009

Lũ quét: Lũ quét thường xảy ra ở vùng đồi núi có độ dốc lớn, mưa nhiều và hệ thống thoát nước kém. Trong những năm gần đây, lũ quét xảy ra thường xuyên, có tính bất ngờ, nghiêm trọng và gây ra những thiệt hại lớn về người và tài sản. Trong 10 năm qua (2000 - 2009) trên địa bàn cả nước xảy ra 96 trận lũ quét, làm chết và mất tích hơn 880 người, gần 1500 người bị thương; hơn 6000 căn nhà sụp đổ; hơn 120000 nhà bị ngập, hư hại nặng; trên 132000 ha lúa và hoa màu bị ngập³.



Lở đất: Lở đất thường xảy ra do các yếu tố bên ngoài (mưa), yếu tố bên trong (thay đổi địa lý) và do hoạt động của con người (khai thác khoáng sản thiếu quy hoạch). Lở đất ở những vùng núi và dốc do mưa lớn kết hợp với kết cấu địa tầng yếu và tác động của con người ví dụ như phá rừng.⁴



Giá rét: Khu vực miền núi phía Bắc gần đây đã chịu những đợt giá rét bất thường. Năm 2010, đợt giá rét đã xảy ra với nhiệt độ dưới mức 4°C. Đầu năm 2011, khu vực này đã phải trải qua một đợt rét lạnh thấp dưới 10°C.⁵



Hạn hán: Hạn hán thường xảy ra ở vùng miền Trung, vùng Tây nguyên và một số tỉnh khu vực miền Nam. Lượng mưa thấp lâu ngày dẫn tới thiếu nước và hạn hán. Hiện tượng sa mạc hóa, biến đổi khí hậu và tăng dân số cũng là những nguyên nhân khác dẫn tới nguy cơ hạn hán⁶.



³Trưởng, Lê Xuân, Trung tâm quản lý thiên tai, Bộ NNPTNT, 2011 Lũ quét và các biện pháp giảm thiểu ở Việt Nam

⁴Chiến lược Quốc gia về Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến 2020

⁵<http://www.monre.gov.vn/v35/default.aspx?tabid=675&CatelD=59&ID=94572&Code=VVSKA94572>

⁶MRC, GTZ, ADPC, 2009. Sự xuất hiện và tác động của hạn hán ở Việt Nam

2. NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG MIỀN NÚI

Miền núi Việt Nam chiếm diện tích 3/4 lãnh thổ quốc gia trải dài từ Bắc vào Nam. Vùng miền núi cũng là nơi cư trú của các dân tộc thiểu số, và chỉ một số dân tộc như Khơ me, Hoa, một số ít người Chăm sống ở đồng bằng. Trong số 54 dân tộc anh em, dân tộc Kinh chiếm 85.7% tổng dân số, và dân tộc thiểu số chiếm 14.3% (khoảng 12.25 triệu người)⁷. Các dân tộc thiểu số có sự tập trung ở một số vùng, nhưng không cư trú thành những khu vực riêng biệt mà xen kẽ với các dân tộc khác trong phạm vi của tỉnh, huyện, xã và các bản mường. Trước đây, mỗi dân tộc đều có khu vực cư trú riêng, ranh giới giữa các tộc người, giữa các bản làng còn rõ ràng. Hiện nay, nhiều xã, bản có tới 3-4 dân tộc cùng sinh sống.

Trong 30 năm qua, khu vực miền núi đã nhận được rất nhiều chính sách ưu tiên của Chính phủ cũng như các chương trình hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước. Tuy nhiên, so với cả nước, tình hình kinh tế xã hội khu vực này vẫn còn kém phát triển. Hiện nay, miền núi vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn. Đói nghèo, dân số tăng nhanh, học vấn thấp, thiếu nước sinh hoạt và các dịch vụ xã hội, suy dinh dưỡng với tỷ lệ cao... là những vấn đề xã hội cấp bách cần phải được giải quyết trong quá trình phát triển miền núi bền vững hiện nay.

Đặc điểm của khu vực miền núi khiến cho công tác quản lý rủi ro thiên tai gặp nhiều thách thức⁸:

- Do địa hình miền núi có độ dốc lớn, dòng chảy mạnh và rừng bị tàn phá nghiêm trọng nên hiện nay đất bị xói mòn, sụt lở, lũ quét, lũ ống, xảy ra liên tục.
- Việc khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa được kiểm soát chặt chẽ đã gây ra tình trạng ô nhiễm và làm biến đổi môi trường sinh thái ở một số vùng miền núi.
- Người dân địa phương nhận được rất ít hoặc hầu như là không có thông tin về thiên tai và không thể hoặc không biết cách bảo vệ mình và tài sản.
- Các cộng đồng bị ảnh hưởng thường ở những vùng sâu, vùng xa. Khi xảy ra thiên tai, đường vào khó tiếp cận, cộng đồng bị cô lập với bên ngoài.
- Mạng lưới truyền thông và thông tin từ cấp tỉnh xuống các cấp cơ sở còn yếu kém do thiếu nguồn lực nhân sự và vật chất.
- Các nghiên cứu, đánh giá và bài học kinh nghiệm ứng phó với thiên tai ở vùng miền núi chưa được tổng hợp đầy đủ và phổ biến rộng rãi.
- Với loại hình lũ quét thường xảy ra ở miền núi, cường độ cũng như thời điểm xảy ra phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau, ví dụ như lượng mưa, độ dốc, xói mòn, khiến cho công tác dự báo gặp nhiều khó khăn hơn so với các loại hình thiên tai khác.

Cơ chế quản lý tập trung từ trên xuống dưới ở các huyện miền núi chưa thúc đẩy được vai trò chủ động và chưa huy động được các nguồn lực cộng đồng trong hoạt động phát triển kinh tế xã hội nói chung và quản lý thiên tai nói riêng.

⁷Tổng điều tra dân số 2009, www.gso.gov.vn

⁸Phương, Nguyễn Thanh Trung tâm Quản lý thiên tai, Bộ NNPTNT. Bài trình bày tại hội thảo tháng 12, 2009.

3. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG MIỀN NÚI VIỆT NAM

Trong một thời gian dài, công tác quản lý thiên tai ở Việt Nam thường tập trung vào các biện pháp công trình như xây dựng đê, đập và hướng tới việc cứu trợ, ứng phó sau thiên tai. Cách thức này đã mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, xét về một mặt khác, việc chỉ quan tâm, tập trung vào "phần cứng" (các công trình) đã⁹:

- ✦ Không chỉ ra được mối liên kết giữa thiên tai và tác động tới phát triển kinh tế.
- ✦ Không thể hiện mối liên hệ giữa quản lý rủi ro và bảo vệ môi trường.
- ✦ Không công nhận vai trò của các tổ chức và cộng đồng địa phương.
- ✦ Không quan tâm tới phòng ngừa, và phục hồi sau thiên tai với thời gian trung và dài hạn.
- ✦ Chưa quan tâm tới các đối tượng dễ bị tổn thương.

Kinh nghiệm và kết quả thực tế từ các dự án tại Việt Nam và trên thế giới cho thấy rằng cần phải có một cách tiếp cận sáng tạo lôi kéo sự tham gia của người dân từ cấp cơ sở vào quá trình ra quyết định và thực hiện các hoạt động QLTT. Và phương pháp quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được thực hiện tại Việt Nam từ đầu những năm 2000 thông qua một số dự án của các tổ chức phi chính phủ. Sau đó, phương pháp này đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ Việt Nam. Các dự án QLRRTT-DVCGĐ được thực hiện tại các khu vực khác nhau ở Việt Nam đã đóng góp rất lớn trong việc giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Phương pháp tiếp cận QLRRTT-DVCGĐ được đánh giá là phương pháp quản lý thiên tai hiệu quả thông qua việc huy động sự tham gia và quản lý của cộng đồng cũng như sự tham gia của các cơ quan ban ngành của chính phủ.

Đối với vùng miền núi, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng còn khá mới mẻ với nhiều tổ chức nhà nước và cộng đồng, tuy nhiên phương pháp này đã được sử dụng ở nhiều cấp độ khác nhau và lồng ghép vào các chương trình. Chiến lược quốc gia về phòng chống, ứng phó và giảm nhẹ thiên tai 2010-2020 của Chính phủ Việt Nam nhận ra nhu cầu cần có các chiến lược cụ thể để giải quyết các vấn đề về thiên tai ở miền núi.

Trong đó, chiến lược này nêu ra việc cần chủ động ngăn chặn các thảm họa thiên nhiên bằng các hoạt động¹⁰:

- ✦ Xác định và vẽ bản đồ các vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, các nguy cơ do địa chất khác, lập kế hoạch xây dựng nhà ở và sơ tán dân ở những vùng nguy hiểm; lập kế hoạch sử dụng đất, cơ cấu lại cây trồng và quản lý việc khai khoáng để ngăn chặn tác hại xấu đến môi trường và nguy cơ gây lở đất, trồng và khai thác rừng hợp lý.
- ✦ Thiết lập các hệ thống cảnh báo và thông tin xuống đến cấp xã và thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng giúp ngăn lở đất và lũ quét; mở rộng dòng chảy của cống nước và cầu để đảm bảo thoát nước; xây dựng các hệ thống hồ chứa nước để kiểm soát lũ và hạn hán.
- ✦ Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng trong dự báo, cảnh báo và tìm kiếm, cứu nạn khi có thảm họa.

Cho tới nay, nhận thức và năng lực của người dân và cán bộ địa phương về vấn đề này đã được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, vào ngày 13 tháng 07 năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*” (Đề án 1002, triển khai trong vòng 12 năm từ 2009 tới 2020) ở 6.000 xã và thôn dễ bị tổn thương trên khắp cả nước. Đây là bước tiến rất quan trọng trong việc thúc đẩy và nhân rộng phương pháp tiếp cận này ở khu vực miền núi.

PHẦN 2. CÁC ĐIỂN HÌNH TỐT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI Ở VÙNG CAO

Câu hỏi đặt ra là “*Có thể làm gì để ứng phó với thiên tai và tạo ra một cuộc sống an toàn hơn ở vùng cao, đặc biệt ở những khu vực dễ bị tổn thương nhất?*” Những bài học kinh nghiệm bổ ích có thể là người dân có nhận thức tốt và chuẩn bị trước mùa mưa bão hàng năm; có hệ thống phương tiện cảnh báo, sơ tán hiệu quả; hay do các tổ chức trung ương và địa phương phối hợp tốt nhiệm vụ và trách nhiệm cứu trợ; hay do các hoạt động sinh hoạt, sản xuất được phục hồi nhanh sau một đợt lũ quét...

Tùy theo mỗi địa điểm, loại hình thiên tai hay đối tượng mà có các cách thực hiện QLRRTT khác nhau, đặc biệt trong điều kiện địa hình đa dạng và phức tạp như ở miền núi Việt Nam. Từ vị trí của cộng đồng dễ bị tổn thương, người dân thường quan tâm đến việc họ làm gì Trước - Trong và Sau thiên tai. Còn từ vị trí thực hiện, cán bộ thường đi theo các bước lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động.

Để dễ dàng chia sẻ và vận dụng, các bài học kinh nghiệm được xây dựng và cấu trúc theo các biện pháp trong các giai đoạn Trước Trong và Sau thiên tai. Ở mỗi giai đoạn, các kinh nghiệm được tổng hợp và đúc kết từ các cách thức đa dạng của nhiều tổ chức và địa bàn.

⁹ Phong, Trần - Bài trình bày: *A Community Based Alternative*

¹⁰ Minh, Đặng Quang, 2008, Dự án UNDP về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại Việt Nam: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở Việt Nam, Tiêu chí lựa chọn các điển hình là tốt và lồng ghép Giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào chương trình 135 - Nghiên cứu trường hợp điển hình của Lào Cai, Kon Tum

GIẢI ĐOẠN TRƯỚC KHI XẢY RA THIÊN TAI

Kinh nghiệm thực tế cho thấy công tác phòng ngừa và các nỗ lực chuẩn bị trước khi xảy ra thiên tai đóng vai trò quyết định tới sự thành công trong ứng phó với thiên tai. Đặc biệt ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, công tác QLTT đòi hỏi sự phòng ngừa chủ động từ việc trang bị và sử dụng tốt hệ thống cơ sở hạ tầng về cảnh báo thiên tai, đến việc nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực của người dân và cán bộ địa phương, đánh giá và nắm rõ tình hình về diễn biến hiểm họa và nguồn lực trong khu vực, chuẩn bị các kế hoạch quản lý thiên tai hàng năm, và chuẩn bị sẵn sàng lực lượng tại chỗ ...

1. BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ TRANG BỊ VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CẢNH BÁO SỚM

1.1 Hệ thống cảnh báo sớm được thực hiện như thế nào ở vùng cao?

Thực tế cho thấy, đã có nhiều loại hệ thống cảnh báo sớm được đưa vào thử nghiệm và lắp đặt ở khu vực miền núi, mỗi một loại hệ thống cảnh báo sớm đều có những ưu, nhược điểm riêng, mang lại những lợi ích nhất định.

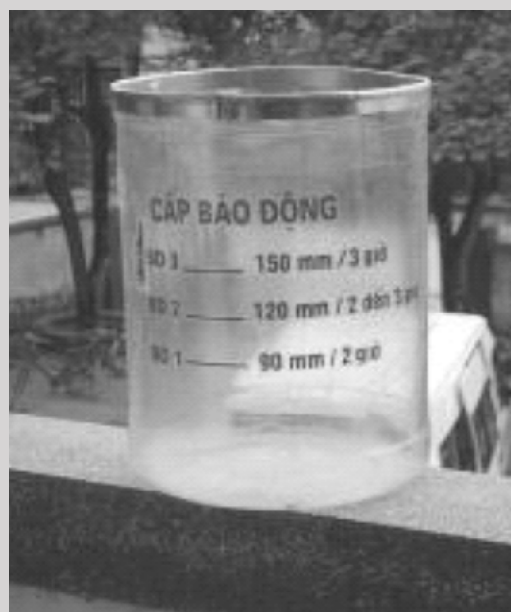
Từ năm 2005, Bộ Tài Nguyên Môi trường đã bắt đầu thiết lập thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm tại các tỉnh như Yên Bái, Hà Giang, Phú Thọ, Lào Cai. Theo nguyên tắc, khi lượng mưa đạt tới 90mm/g, thì **hệ thống cảnh báo sẽ tự động hú còi báo động lũ**. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động thời gian qua, các hệ thống này đều không hiệu quả, có khi báo động giả hoặc hoàn toàn chưa có tín hiệu khi lũ xảy ra.

Ngoài ra, **một số hệ thống cảnh báo lũ quét hiện đại hơn, không chỉ đo mưa mà còn đo tốc độ dòng chảy, mực nước các sông, đo chấn động trái đất...**cũng đã được thử nghiệm nhưng chi phí đầu tư lớn, đòi hỏi năng lực quản lý cao nên không thể áp dụng tại nhiều tỉnh.

Bên cạnh đó, một số hệ thống đơn giản như **thiết bị đo mưa đơn giản, tháp báo lũ, biển cảnh báo lũ quét và sạt lở đất...** đang được đưa vào áp dụng tại nhiều khu vực miền cao.

Ví dụ tại Yên Bái, song song với việc lắp đặt các **trạm cảnh báo lũ tự động**, 290 bộ **thiết bị đo mưa đơn giản** để cảnh báo lũ khác cũng được lắp đặt phủ rộng trên khắp các xã của tỉnh Yên Bái. Các cán bộ xã cũng được tập huấn và hướng dẫn sử dụng thiết bị đo mưa. Tuy nhiên, hệ thống đơn giản này cũng không hiệu quả do lũ thường xảy ra vào ban đêm, trong thời gian rất ngắn. Các cán bộ không kịp đo mưa để báo cho người dân biết. Lực lượng cán bộ đo mưa tại các địa phương chủ yếu trưng dụng từ cán bộ xã do đó chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ họ cũng như chưa có một chế tài bắt buộc họ phải có trách nhiệm đo đạc lượng mưa báo cáo về huyện, tỉnh để kịp thời cảnh báo lũ cho người dân¹¹.

Như vậy, cần cân nhắc để lựa chọn và đưa vào được hệ thống cảnh báo sớm phù hợp với tình hình địa bàn, đặc điểm dân cư, các yếu tố văn hóa - xã hội - con người tại mỗi khu vực.



Hình 2: Thiết bị đo mưa đơn giản ở Yên Bái (sưu tập)

¹¹From different sources:
<http://www.monre.gov.vn/v35/default.aspx?tabid=428&CatID=25&ID=91836&Code=BTAMX91836>
<http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/274031/Canh-bao-som-lu-quet-Chua-thanh-cong-va-co-van-de.html>
<http://tainguyennuoc.vn>

1.2 CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ HỆ THỐNG CẢNH BÁO SỚM

1.2.1 Cân nhắc việc sử dụng và kết hợp các công nghệ hiện đại và đơn giản trong hệ thống cảnh báo sớm tại vùng cao.

Cho tới nay, hệ thống cảnh báo sớm sử dụng công nghệ chưa thể hiện là giải pháp tối ưu tại khu vực miền núi do rất nhiều nguyên nhân:

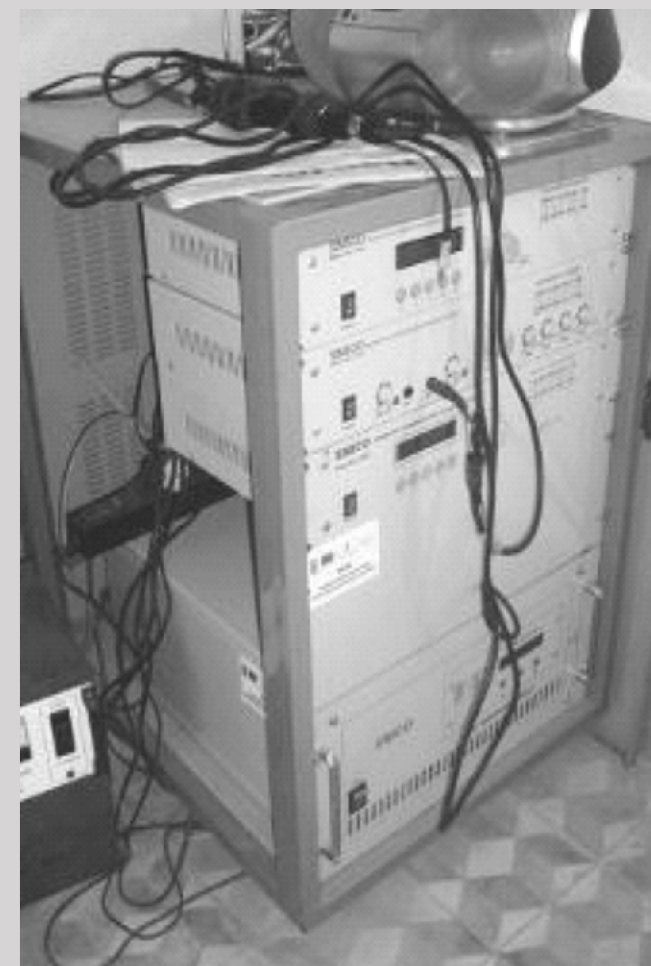
➤ Hệ thống cảnh báo sớm công nghệ cao đòi hỏi người vận hành phải có đủ năng lực để vận hành, quản lý và duy trì các thiết bị trong khi các cán bộ địa phương tại vùng miền núi chưa đủ năng lực để thực hiện những nhiệm vụ này.

Ví dụ, trong dự án “Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao” giai đoạn 1 & 2 (CECI) tại Lào Cai và Kon Tum, một số cán bộ xã không biết cách duy trì pin năng lượng mặt trời để cung cấp nguồn điện cho thiết bị. Đôi khi họ quên không nạp, hoặc không có đủ tiền cho thẻ SIM, một yếu tố không thể thiếu cho việc vận hành hệ thống. Nhiều khi, cán bộ xã chịu trách nhiệm vận hành không biết cách sửa chữa¹².

➤ Hệ thống công nghệ đòi hỏi ý thức và trách nhiệm sở hữu của địa phương trong việc sử dụng, duy trì và bảo dưỡng.

Ví dụ: Để có tiền nạp vào thẻ SIM cho hệ thống truyền thông cảnh báo đo mưa, UBND xã cần dự trù khoản tiền này trong ngân sách hàng năm của xã (ví dụ: 1,5 triệu đồng cho thẻ SIM...)... Tại xã Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum hệ thống đo mưa không có tín hiệu báo lượng mưa, không rõ máy bị hư hỏng chỗ nào. Theo lãnh đạo xã, năm 2010 lượng mưa rất ít nên máy chưa có báo động gì cả. Cán bộ xã được giao phụ trách máy đã nghỉ công tác tại xã. Hệ thống không dây tại 3 thôn không hoạt động do địa bàn thôn cao không tiếp được sóng. Một số loa truyền thanh ở các thôn bị đứt dây¹³...

➤ Cơ sở hạ tầng yếu kém hay điều kiện thời tiết cũng là một trong những trở ngại khiến hệ thống cảnh báo sớm kiểu này hoạt động kém hiệu quả. Ở



Hình 3: Thiết bị đo mưa tại Lào Cai (CECI)

khu vực miền núi, nguồn cung điện không ổn định có thể khiến các thiết bị dễ bị hỏng.

➤ Các phương pháp, công nghệ đo đạc đơn giản nên được khuyến khích thực hiện ở nhiều địa phương vì phương pháp này dễ áp dụng, ít chi phí. Và để thành công và có sự chủ động của địa phương, nên kết hợp với Trung Tâm Khí Tượng Thủy Văn (KTTV) của tỉnh, huyện và các phòng ban liên quan để tập huấn cho địa phương, tuyên truyền thông tin, xử lý số liệu.

¹²CECI, 2009, Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam: Bài học kinh nghiệm

¹³CECI, 2009, Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam: Bài học kinh nghiệm giai đoạn 2

Ví dụ: Trong năm 2011, Trung tâm Nghiên cứu và hợp tác quốc tế (CECI) kết hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Tỉnh Kon Tum xây dựng 03 Tháp báo lũ tại các xã 3 xã vùng lũ là Đăk Tô Kan của huyện Tu Mơ Rông; xã Đăk Kôi, Đăk Tô Lũng của huyện Kon Rẫy. Tháp báo lũ là công cụ hữu ích để nhân dân địa phương quan sát và đọc trực tiếp và theo dõi được diễn biến lũ trên sông cũng như mức độ ngập lụt trong vùng ngay từ khi bắt đầu có lũ.

Trung tâm KTTV Tỉnh sẽ phát tin cảnh báo lũ để theo dõi. Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão & GNTT xã cần cất cử người trực theo dõi và thường xuyên liên lạc với Trung tâm KTTV Tỉnh để nắm bắt diễn biến lũ.

Trung tâm cũng phát triển tài liệu hướng dẫn sử dụng tháp báo lũ, biển cảnh báo lũ quét và sạt lở đất tuyên truyền cho các cán bộ và bà con trong vùng biết và hiểu rõ cách đọc và sử dụng những công cụ này¹⁴.



Hình 4: Cọc báo lũ ở Nghệ An (CECI)

1.2.2 Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quá trình lựa chọn loại hình cảnh báo sớm, vận hành và quản lý hệ thống cảnh báo có ý nghĩa quan trọng hơn sự hiện đại của công nghệ

Một hệ thống cảnh báo có hiệu quả cần là một công trình xuất phát từ nhu cầu thiết thực của người dân và được sự tham gia của người dân và chính quyền địa phương trong quá trình đề xuất, vận hành và quản lý. Điều này sẽ làm tăng ý thức làm chủ và tính trách nhiệm của cộng đồng trong việc phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai.



Hình 5 và 6: Cọc cảnh báo và kèng cảnh báo ở thôn Đức Xuyên xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đak Nông (AAV)

¹⁴ Trung tâm hợp tác phát triển Quốc tế (CECI), 6/2011, Dự án "Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam
Tài liệu hướng dẫn sử dụng tháp báo lũ, biển cảnh báo lũ quét và sạt lở đất

Trong dự án “Hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông”- ActionAid Vietnam (AAV), việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm được tiến hành thông qua quá trình phân tích tình trạng dễ bị tổn thương. Một số buôn đề xuất sử dụng các thiết bị thông tin hiện đại như loa phát thanh, loa cầm tay trong khi đó, một số buôn khác lại đề xuất sử dụng các biện pháp truyền thống như trống, tù và, chiêng, kèng để cảnh báo khi lũ lụt xảy ra. Từ những ý tưởng, đề xuất này của người dân đã hình thành nên hệ thống cảnh báo lũ sớm gồm:

- ☛ 10 cọc báo đặt ở những nơi dễ quan sát, dọc theo hệ thống sông Krông Nô để xác định mức độ nguy hiểm của nước lũ.
- ☛ 22 kèng báo được đặt tại những nơi có thể truyền thông tin cho cộng đồng.

Trước khi tiến hành thiết kế cọc báo lũ, số lượng cọc báo lũ và số lượng kèng báo, vị trí đặt cọc báo lũ và kèng báo tại các thôn cũng được xác định tại các buổi họp với đại diện Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân của 3 xã, 5 trường học tham gia dự án, Ban Giảm nhẹ thiên tai thôn, Đội cứu hộ cứu nạn, và đặc biệt, là đại diện cộng đồng người dân của 18 thôn/buôn tham gia dự án. Trong những buổi họp này, các quy định về tín hiệu kèng để thống nhất trong toàn hệ thống cảnh báo lũ sớm cũng được quy định rõ ràng.

Trước khi tiến hành xây dựng, các thôn/buôn có công trình hệ thống cảnh báo lũ sớm tiến hành thành lập một ban giám sát cộng đồng là các thành viên của cộng đồng để tiến hành giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng đảm bảo đúng vị trí, kích thước, vật liệu theo đề xuất ban đầu và theo thiết kế.

Trong quá trình xây dựng, chính quyền địa phương cấp xã/thôn cam kết với các hộ gia đình nơi đặt hệ thống cảnh báo về việc phối hợp cùng với Ban giảm nhẹ thiên tai để quản lý sử dụng.

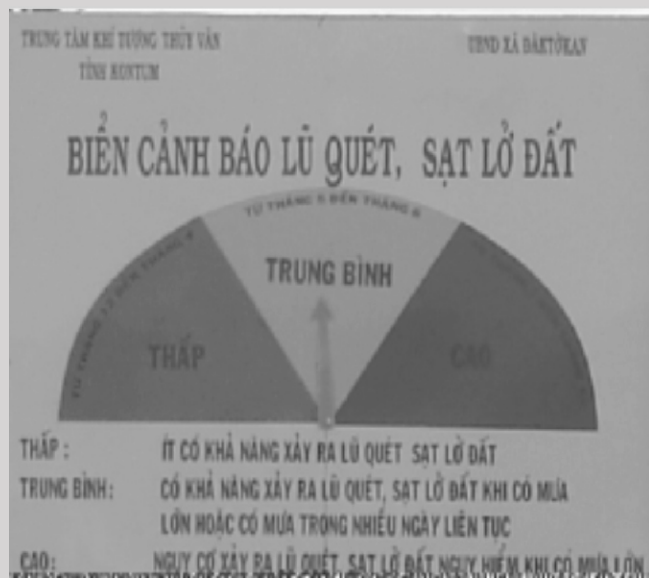
Trong quá trình quản lý và sử dụng hệ thống cảnh báo sớm: Những cá nhân hộ gia đình có vị trí đặt cọc, kèng trên phần đất gia đình mình có trách nhiệm thực thi nhiệm vụ khi lũ, lụt xảy ra. Các Ban Giảm nhẹ thiên tai thôn trực tiếp quản lý hệ thống dưới sự chỉ huy chung của Ban phòng chống lụt bão cấp xã huyện. Các thông tin về cọc báo lũ được thông báo đến người dân và cộng đồng thông qua các buổi họp dân và các tờ rơi, băng tin đặt tại UBND xã.

(Nguồn: AAV, 2011, *Báo cáo hoạt động Dự án hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Đak Nông*)

1.2.3 Cần kết hợp các phương thức truyền thông để nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm

Một trong những thách thức lớn đối với vùng miền núi là công tác truyền thông, do các bản, làng nằm xa xôi và rải rác nên nhiều khi hệ thống loa phát thanh hiện thời cũng không thể phát tới toàn bộ các bản làng. Trong trường hợp này, hệ thống phát thanh không dây dường như là hữu hiệu hơn để bổ sung thêm cho hệ thống loa phát thanh sẵn có tại địa phương. Hệ thống phát thanh không dây có ưu điểm là không đòi hỏi dây

hoặc điện nhưng chi phí lại rất cao do phải lắp đặt thêm nhiều trạm không dây để phủ sóng. Hơn nữa, cần lưu ý đến chất lượng của hệ thống phát thanh không dây. Các thiết bị này phải có chất lượng tốt và ổn định để có thể thích hợp được với đặc điểm khí hậu ẩm thấp, mưa nhiều ở vùng núi. Thực tế, một số hệ thống loa phát thanh không dây đã bị hỏng ngay sau khi lắp đặt không lâu.



Hình 7: Biển cảnh báo lũ quét, sạt lở đất theo cấp độ mưa ở xã Đak Rơ ông, tỉnh Kon Tum (CECI)

Khi truyền thông tin qua các hình thức như loa phát thanh, điện thoại di động, các thông tin cần được dịch ra tiếng địa phương đối với những khu vực miền núi có người dân tộc thiểu số sinh sống. Và trong trường hợp hệ thống cảnh báo sớm sử dụng các biển cảnh báo nhắc nhở người dân địa điểm thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất hay lụt lội, nếu có



Hình 8: Biển cảnh báo lũ quét, sạt lở đất theo thời gian ở xã Đak Tơ Kan, tỉnh Kon Tum (CECI)

thể, các biển báo nên viết bằng tiếng địa phương hoặc cần ghi rõ các ký hiệu đã được quy ước. Cần phổ biến rõ ràng cho người dân để những người không có khả năng đọc ký hiệu cũng có thể hiểu được tầm quan trọng của biển cảnh báo. Nội dung của biển cảnh báo cần ngắn gọn và sử dụng các quy ước màu sắc rõ ràng.

1.2.4 Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm dân gian cũng như những đúc kết từ thực tế trong công tác cảnh báo

Trước đây, tại các vùng rừng núi, người dân chủ yếu quan sát các con thú rừng, lắng nghe tiếng kêu các loài chim rừng để biết trước được sự thay đổi thời tiết. Những kinh nghiệm dân gian này có thể được lưu truyền dưới dạng những câu hát, câu vè hay chỉ đơn thuần là truyền miệng từ người này sang người khác. Khi một người đi rừng phát hiện có sự thay đổi từ các con vật, cây cỏ báo hiệu trời sắp mưa họ sẽ báo lại cho những người khác trên đường về và cứ như vậy người này sẽ báo cho người kia biết. Già làng cũng thường phổ biến kinh nghiệm này trong các buổi họp làng.

Hiện nay, thời tiết có nhiều biến đổi bất thường. Hơn nữa, càng ngày càng ít người biết đến các kinh nghiệm dân gian, đặc biệt nếu người dân ở vùng cao chuyển về vùng tái định cư thì chỉ còn các hộ còn canh tác trên rẫy là vẫn còn chú ý quan sát các hiện tượng thiên nhiên. Do vậy, các kinh nghiệm dân gian này cũng dần bị mai một dần hoặc không còn chính xác nữa.

Các dự án QLTT tại các vùng núi rất nên tập hợp các tri thức kinh nghiệm dân gian trong vùng hay các kinh nghiệm quan sát sắp có thiên tai thông qua các buổi họp thôn và ghi chép lại để xem kinh nghiệm nào còn phù hợp và không phù hợp. Từ đó, nếu những kinh nghiệm dân gian còn hiệu lực, các dự án nên có hình thức truyền thông, phổ biến cho bà con để có thể kết hợp kinh nghiệm dân gian với những kinh nghiệm thực tế, hệ thống cảnh báo. Việc này sẽ giúp cho công tác cảnh báo hiệu quả hơn và giảm tối thiểu các thiệt hại.

Ví dụ, một trong những dấu hiệu cho thấy sắp có lũ quét mà người dân có thể quan sát, nghe ngóng bằng các giác quan đó là: những tiếng động lạ hoặc thấy nước sông suối đang đầy bỗng nhiên hạ thấp xuống; mưa lớn, nước dâng cao và bị đục do cuốn theo cây cối và bùn đất...

¹⁵DWF, 2009, Báo cáo kết quả khảo sát Kiến thức bản địa về phòng chống thiên tai và thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu

Hay ở Sapa là huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai, dân cư chủ yếu là người Mông (56%), Dao (26%), còn lại là người Kinh, Giáy, Tày, Xa Phó. Ở đây có con Mống Bôm Săn (tiếng Tày) giống như con cào cào, màu xanh kích thước lớn hơn, thường kêu khi trời đã gần tối. Nếu Mống Bôm Săn kêu nhiều thì ngày mai trời mưa, tiếng kêu càng to, càng nhiều là trời mưa nhanh. Nếu kêu ít thì vài ngày sau trời mới mưa.

Ở Kon Tum có hoa của cây “Sơn Tốc”: là một cây thân mọng nước, cao từ 1-1,5m, thân cây có kích cỡ bằng một ngón tay, mỗi nhánh cây Sơn Tốc chỉ có một hoa màu vàng giống hoa loa kèn. Hoa Sơn Tốc thường nở vào các tháng 8, 9 và 10. Khi cây Sơn Tốc có hoa nở thì khoảng 1 tuần sau có mưa lớn, gió, bão.

Hay người dân tại huyện miền núi Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận thường nghe tiếng chim Pesbrik Clao (chim cười) để biết khi nào mưa. Khi con chim này kêu 3 tiếng cười 1 tiếng (pébrik - pébrik- pébrik hehehe) thì sau 1 tháng sẽ có mưa, khi chim kêu 1 tiếng cười 1 tiếng (pébrik hehehe) thì khoảng 15 ngày sau sẽ có mưa¹⁵.

(Nguồn: DWF, 2009, Báo cáo kết quả khảo sát Kiến thức bản địa về phòng chống thiên tai và thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu)



Hình 9: Con chim cười ở huyện miền núi Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận (DWF)

2 KINH NGHIỆM NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.1 Các hoạt động nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực QLTT đang thực hiện như thế nào ở vùng núi

Người dân là trung tâm của toàn bộ quá trình ra quyết định và triển khai các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai. Cộng đồng và các cơ quan liên quan cần được nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực để có thể đánh giá các rủi ro, xác định các biện pháp và kế hoạch giảm thiểu rủi ro và thực hiện hành động.

Ban đầu, các tổ chức và dự án QLLTT-DVCD tiến hành đánh giá năng lực QLTT của các cơ quan chính quyền ở miền núi và xác định tập huấn viên tại địa phương để tìm hiểu kinh nghiệm hay khả năng nâng cao nhận thức về các vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong cộng đồng cấp xã và thôn hay không. Các tập huấn viên là cán bộ đến từ các cơ quan Phòng chống lụt bão (cấp tỉnh, huyện), Phòng Nông

nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân, khối trường học và các tổ chức như Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Hội nông dân và Đoàn thanh niên.

Các cán bộ địa phương sẽ tham dự khóa tập huấn cho tập huấn viên (ToT) do các tổ chức phi chính phủ hoặc các tư vấn thực hiện, sau đó sẽ tiến hành hoạt động nâng cao nhận thức, giáo dục truyền thông cũng như tiến hành đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng (VCA) ở địa phương mình. Trong quá trình thực hiện, các tư vấn viên địa phương chia sẻ kinh nghiệm thực tế và có thể nhận được sự hỗ trợ, tư vấn để vận dụng và sửa đổi các phương pháp làm việc tại cộng đồng.

2.2 Các bài học kinh nghiệm về nâng cao nhận thức và năng lực ở vùng miền núi

2.2.1 Sử dụng ngôn ngữ địa phương trong công tác tập huấn và truyền thông

Một trong những khó khăn lớn khi làm việc tại các vùng miền núi là rào cản ngôn ngữ khi các dân tộc thiểu số sinh sống tại đây, đặc biệt là chị em phụ nữ không nói sõi tiếng Việt.

Ví dụ, ở Trạm Tấu (tỉnh Yên Bái), người dân nói tiếng H'Mong, ở Lang Chánh (Thanh Hóa), người dân nói tiếng Thái. Một số dân tộc thậm chí còn không có hệ chữ viết hoặc rất nhiều từ ngữ không có trong ngôn ngữ của họ.



Hình 10: Bảng cảnh báo thiên tai được dịch sang tiếng Xê Đăng ở tỉnh Kon Tum (CECI)



Hình 11: Bảng cảnh báo rủi ro thiên tai có hình ảnh trang phục dân tộc ở tỉnh Lào Cai (CECI)

- Các tập huấn viên cơ sở được lựa chọn là những người dùng được cả tiếng Việt và tiếng dân tộc. Họ có thể tham dự tập huấn sử dụng tiếng Việt (để tận dụng những giảng viên và các tài liệu có sẵn).
- Các tài liệu IEC cần được dịch sang tiếng dân tộc.
- Trong trường hợp tiếng dân tộc không có dạng chữ viết (như tiếng Dao), các tài liệu IEC có thể được viết bằng tiếng Việt nhưng dùng từ và thuật ngữ đơn giản. Phải kết hợp với các tập huấn viên cơ sở để giải thích lại nội dung bằng lời.
- Các tài liệu IEC cần đơn giản, dễ hiểu với các thông điệp đơn giản, không dùng quá nhiều chữ viết mà nên sử dụng nhiều tranh ảnh để cộng đồng có thể thảo luận và tập huấn viên có thể giải thích thêm.
- Các hình ảnh sử dụng trong tài liệu nên là những hình ảnh quen thuộc, phản ánh đúng đặc điểm văn hóa tại địa bàn.
- Cán bộ dự án, các tập huấn viên cấp tỉnh và huyện hay cán

bộ tư vấn cần lắng nghe cẩn thận, nói chậm rãi để người dân tộc có thể hiểu được

- Các tập huấn viên tại địa phương cần được lôi kéo tham gia vào trong quá trình chuẩn bị tài liệu IEC.
- Việc xây dựng tài liệu truyền thông nên mang tính kế thừa và phát triển. Nghĩa là không phát triển thêm tài liệu nếu tài liệu đã có sẵn ở đâu đó (các tổ chức khác...) hoặc chỉ bổ sung những gì mà tài liệu chưa đề cập đến.
- Các tổ chức cũng có thể tính đến việc cùng phát triển chung một số loại tài liệu truyền thông nếu dự án của họ có cùng mục đích, đặc biệt là cùng nhà tài trợ.

(Nguồn: CECI, 2009, *Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam: Bài học kinh nghiệm*)



Hình 12: Tài liệu IEC về nguyên tắc 4 tại chỗ được dịch sang tiếng Xê Đăng ở tỉnh Kon Tum (CECI)

2.2.2 Tận dụng nguồn lực văn hóa địa phương trong công tác tập huấn và truyền thông

Ở vùng miền núi, thường không có các loại hình giải trí đa dạng như ở vùng đồng bằng. Trong khi đó, vào các dịp lễ, bà con rất ưa thích ca hát, nhảy múa, thích tụ tập tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ cùng với nhau. Các hoạt động như liên hoan văn hóa buổi tối có các câu đố, kịch, hát hò, nhảy múa thu hút rất nhiều người dân tham gia và chuyển tải được những thông điệp về GRRTT một cách tự nhiên, đơn giản và gần gũi nhất. Cách này giúp tăng tính bền vững và cũng là một cách sử dụng kinh phí hiệu quả.

Ngoài ra, qua trao đổi, một số cán bộ cho biết nếu các hoạt động văn hóa này còn có sự tham gia của các diễn viên sân khấu nổi tiếng sẽ tăng hiệu quả thu hút sự tham gia của người dân. Ví dụ như, các dự án có thể mời những diễn viên, nghệ sĩ hài/kịch nổi tiếng cùng tham gia với bà con dân tộc trong các vở kịch.

Tại Trạm Tấu (Yên Bái), dự án “Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển vùng” (World Vision), đã rất thành công trong hoạt động truyền thông khi làm hợp đồng trực tiếp với trung tâm văn hóa huyện. Kết hợp với

nhiệm vụ chính trị của mình và sự hỗ trợ của dự án, trung tâm văn hóa huyện tại Trạm Tấu đã thiết kế và dàn dựng nhiều chương trình và các vở kịch thú vị và hữu ích tập trung về đề tài GTRRTT dựa vào cộng đồng và giới thiệu tới tất cả các thôn của 2 xã dự án (14 thôn ở Xã Hồ và Bản Công). Thậm chí cán bộ của trung tâm đã tới thăm và biểu diễn tại một số thôn đến 2 lần mặc dù việc đi lại rất khó khăn.

Ngoài ra, với sự tham gia của đài phát thanh và truyền hình huyện, thông tin về phòng ngừa thảm họa và các hoạt động của dự án cũng được biên tập và phổ biến một cách có chọn lọc cho người dân địa phương qua mạng lưới truyền thanh và truyền hình hàng tuần. Tại Lang Chánh (Thanh Hóa), với sự hỗ trợ của dự án, 2100 bản VCD với những thông tin về hiểm họa và thiên tai, rủi ro ở địa phương “Cách xây dựng và bảo vệ đường băng cản lửa” được truyền hình huyện phối hợp với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và Kiểm lâm sản xuất phổ biến tới các hộ gia đình. Đánh giá cuối cùng của dự án đã chứng tỏ VCD đã tác động tích cực lên người dân địa phương và góp phần đáng kể trong việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phòng ngừa thảm họa.

(Nguồn: World Vision, 2008, *Báo cáo đánh giá cuối kỳ, Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển vùng*)

2.2.3 Các công cụ truyền thông về QLTT tại các vùng miền núi

Thông tin về QLTT, với nội dung đơn giản, dễ hiểu có thể được truyền tải qua một số công cụ truyền thông tại các vùng miền núi như sau:

- **Bảng lật:** Dễ di chuyển, ép plastic, bền, với những hình ảnh và thông điệp đơn giản.
- **Bảng Video:** thường được dùng trong các tập huấn về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và củng cố kiến thức, tập hợp các thông tin về hiểm họa, rủi ro thiên tai ở địa phương hay các biện pháp cụ thể ứng dụng tại địa phương.
- **Hệ thống loa truyền thanh/đài truyền hình** cấp tỉnh/huyện/xã.
- **Các tờ rơi** về sơ cứu cấp cứu, ứng phó khẩn cấp, hoạt động dự án, người liên hệ.
- **Biển/ áp phích** phản ánh văn hóa, phong tục của người dân tộc thiểu số với thông điệp giảm nhẹ rủi ro thiên tai đơn giản. Các biển thông tin/áp phích

Kinh nghiệm sử dụng phương pháp làm phim có sự tham gia của trẻ em để truyền thông về thiên tai, biến đổi khí hậu:

Dự án “Xây dựng năng lực cộng đồng ứng phó với thiên tai lấy trẻ em làm trọng tâm” (Plan International) là sử dụng tiến trình làm phim có sự tham gia của trẻ em như một phương tiện để tăng cường tiếng nói của trẻ em dân tộc thiểu số hiểu về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong cộng đồng. Quá trình làm phim có sự tham gia bắt đầu cuối năm 2010 với 12 trẻ em (6 trai, 6 gái) ở 2 xã (xã Thuận và xã A Ngò, tỉnh Quảng Trị). Trước buổi tập huấn về phương pháp làm phim có sự tham gia, các em sẽ trả lời câu hỏi phỏng vấn và tham gia vào quá trình đánh giá HCVA bao gồm vẽ bản đồ hiểm họa bằng tay. Các em tự phỏng vấn những người lớn tuổi để hiểu rõ thêm về tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Trong buổi tập huấn, các em cũng được học các kỹ năng để làm phim về các tác động cụ thể của biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cũng như các giải pháp cho cộng đồng của mình.

Điều quan trọng trong quá trình làm phim là phải đảm bảo được rằng sau đó, phim sẽ được chiếu và thảo luận ngay tại cộng đồng và các xã dự án nhằm nâng cao nhận thức và chia sẻ với các đối tác, các nhà hoạch định chính sách, mạng lưới ở cấp quốc gia. Dự án cũng đã chỉ ra rằng nếu được sử dụng thích hợp và rõ ràng, bộ phim này có thể trở thành một công cụ hiệu quả.

(Nguồn: Plan International, 2010, *Báo cáo tổng kết hội thảo Làm phim có sự tham gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu- Dự án Nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với thiên tai lấy trẻ em làm trung tâm*)



Hình 13: Trẻ em xã Thuận (Quảng Trị) đang thảo luận trong buổi tập huấn làm phim có sự tham gia (Plan International)

2.2.4 Sử dụng mạng lưới tình nguyện viên địa phương để phổ biến thông điệp thông tin, giáo dục, truyền thông

Sử dụng mạng lưới tình nguyện viên tại các vùng miền núi mang lại hiệu quả trong công tác giáo dục và truyền thông về ứng phó và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong khu vực. Những tình nguyện viên tại địa phương rất am hiểu văn hóa tại địa phương, biết rõ địa hình đi lại trong vùng và có khả năng thu hút sự tham gia của cộng đồng. Họ là lực lượng quan trọng để tuyên truyền về QLTT và lôi kéo sự tham gia của cộng đồng.

Dự án “Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” của Oxfam Hồng Kông tại các huyện Vũ Quang, Hương

Khê, Hương Sơn (Hà Tĩnh) và Thanh Chương (Nghệ An) sử dụng một mạng lưới tình nguyện viên hiệu quả gồm 123 thành viên trên địa bàn 8 xã của dự án. Trong mỗi nhóm xã, gồm 10-15 thành viên có 5 thành viên là đại diện của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Đội xung kích, Ban văn hóa thông tin, Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và một đại diện của mỗi thôn. Mỗi thành viên được người dân đề cử dựa vào sự nhiệt tình, cam kết có thời gian tham gia, có kiến thức về hiểm họa, nguyên nhân/hậu quả và biện pháp giảm nhẹ từ các chương trình do Oxfam thực hiện trước đây, khả năng truyền thông. Mỗi một tình nguyện viên chỉ được nhận kinh phí hỗ trợ rất khiêm tốn (3 USD/tháng) và được giảm đóng góp hoặc

miễn trừ một số hoạt động khác của xã theo đề nghị của Oxfam.

Các tình nguyện viên địa phương hợp với cán bộ Oxfam để thảo luận về chi tiết nhiệm vụ, cách tổ chức, cơ chế làm việc và được tập huấn về truyền thông, kỹ năng dẫn trình và sử dụng tài liệu truyền thông của Oxfam. Sau khóa tập huấn, các thành viên trong nhóm tự gặp gỡ, thảo luận về kế hoạch truyền thông, đóng góp ý tưởng và nhận xét trong việc xây dựng tài liệu truyền thông của nhóm, điều chỉnh ngôn ngữ, hình ảnh cho phù hợp với địa phương.

Ở cấp thôn, các tình nguyện viên thường xuyên giao tiếp và trao đổi với những gia đình dễ bị tổn thương các thông tin về thực phẩm, cách bảo quản giống và các biện pháp phòng ngừa cơ bản để bảo vệ bản thân họ và tài sản. Các tình nguyện viên truyền tải thông tin qua các cuộc họp làng, hay các buổi thảo luận nhóm từ 5-10 hộ gia đình ở một địa điểm gần nhau.

(Nguồn: DIPECHO, *Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách JANI, 2007, Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Một số điển hình làm tốt*)

2.2.5 Sử dụng các cách tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng

Đối với các nhóm đối tượng khác nhau, cần có những cách tiếp cận làm việc phù hợp:

➤ *Đối với phụ nữ:* Phụ nữ vùng cao đóng vai trò trong cả vấn đề sản xuất và sinh kế. Công việc của phụ nữ vùng cao khá nặng nhọc, phải canh tác trên vùng đất dốc không có hệ thống tưới tiêu, kỹ thuật trồng trọt lạc hậu, không áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên sản lượng thấp. Để đảm bảo đủ nguồn thức ăn trong gia đình, những người phụ nữ vùng cao phải làm việc cật lực từ sáng tới tối muộn nên họ không có nhiều cơ hội để tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Chủ đề giảm nhẹ RRTT cần tranh thủ lồng ghép một vài phút trong những buổi họp thôn bản, và nên đề cập liên quan tới những vấn đề của cuộc sống hàng ngày.

Ví dụ, trong dự án “Nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho vùng cao ở Việt nam” (CECI), các hoạt động nâng cao nhận thức được đưa vào các buổi họp hàng tháng của Hội phụ nữ xã, kết hợp với việc chia sẻ những kinh nghiệm sống hàng ngày như làm thế nào để rửa tay, giữ vật nuôi cách xa nơi ở...v.v..Tại Lào Cai, Hội phụ nữ đã dùng 10 phút của cuộc họp hàng tháng để thảo luận về chủ đề Giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

➤ *Các dân tộc thiểu số* ở Việt Nam đều có một đời sống tâm linh hoặc tinh thần riêng. Ngoại trừ người Khmer theo Phật giáo Nam tông, hầu hết các dân tộc thiểu số đều có niềm tin theo thuyết phiếm thần (quan niệm rằng tất cả mọi thứ đều thuộc về một Thượng đế trừu tượng bao trùm tất cả) với niềm tin rằng tất cả mọi loài, mọi thứ trên trái đất từ con người đến con thú, ngay cả cỏ cây, đất đá cũng đều có linh hồn. Theo thời gian, các tôn giáo mới như

đạo Tin lành, đạo Cao đài, đạo Thiên chúa đã xuất hiện ở các vùng núi Tây Bắc và Tây Nguyên¹⁶. Khi làm việc với người dân tộc tại vùng núi, cần lưu ý tới đặc điểm đời sống tinh thần và tôn giáo của họ. Các già làng, trưởng bản, sư thầy, linh mục đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người dân, là những người có uy tín mà người dân nghe theo và tin tưởng. Sự tham gia hoặc hỗ trợ của những người có uy tín có thể góp phần tạo dựng niềm tin trong thời gian đầu hoặc giải quyết những vấn đề nảy sinh.

➤ *Đối với trẻ em vùng núi:* So với trẻ em ở vùng thấp, trẻ em vùng cao ít có cơ hội tham gia vào các hoạt động giải trí đa dạng và tiếp cận thông tin. Cuộc sống của trẻ em miền núi hẻo lánh, hòa hợp với thiên nhiên. Trong công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho trẻ miền núi nên sử dụng những công cụ trực quan sinh động, kết hợp vừa học vừa chơi như xếp hình, lắp ghép theo chủ đề trong một không gian mở, tạo cho các em tinh thần thoải mái... Những phương pháp tiếp cận này sẽ tạo hứng thú, thúc đẩy sự tham gia, tính tò mò, sự tưởng tượng, đam mê của trẻ. Trái ngược với suy nghĩ của nhiều người, các dự án làm việc với trẻ em vùng cao cho thấy trẻ em nơi đây rất chủ động học hỏi và có sáng tạo. Quan trọng nhất khi làm việc với trẻ em vùng cao cần sự kiên nhẫn, nhiệt huyết và tình yêu với trẻ¹⁷. Hiện nay, các dự án có mục đích nâng cao nhận thức cho trẻ về thiên tai thường được đưa vào các hoạt động ngoại khóa.

Thông qua việc tập trung vào trẻ em, Dự án “Nâng cao năng lực cộng đồng thông qua sự tham gia của trẻ em” (SC Tổ chức Cứu trợ trẻ em) tại các tỉnh miền núi Yên Bái, Thanh Hóa nhằm củng cố năng lực cộng đồng để phòng ngừa, ứng phó với thiên tai. Trẻ em trong vùng dự

án tham gia tích cực vào suốt chu trình thực hiện và tham gia trực tiếp vào một số hoạt động dự án như khởi động chương trình; các cuộc họp, các khóa tập huấn, các chiến dịch thông tin, giáo dục, tuyên truyền ở trường học và cộng đồng.

Trẻ em tự bầu ra các bạn đại diện tham gia như những thành viên chính trong dự án. Ở trường tiểu học và trung học cơ sở, trẻ em họp và bầu đại diện của mình. Việc tham gia này dựa trên tinh thần tự nguyện và được sự đồng thuận của phụ huynh và các thầy cô giáo, đồng thời không ảnh hưởng đến việc học tập hay quyền/lợi ích nào khác của trẻ.

Tổ chức Cứu trợ trẻ em đặt trẻ em vào trung tâm của mọi hoạt động dự án như đối tượng hưởng lợi, người tham gia và người thực hiện. Trong quá trình thực hiện dự án, trẻ em đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động khác nhau. Có rất nhiều hoạt động chuẩn bị cho cả trẻ em, người lớn (bao gồm cán bộ quản lý thiên tai, lãnh đạo địa phương và người dân) cùng làm việc với nhau trong quá trình đánh giá PVA. Đây là hoạt động quan trọng nhất vì trong quá trình đánh giá, trẻ em có thể phát biểu trực tiếp với người lớn về mối quan tâm lo lắng của các em trong các tình huống khẩn cấp.

Dự án cũng đặt trẻ em là trung tâm của quá trình giám sát và đánh giá khi có thể. Trẻ em là người cung cấp thông tin quan trọng cho dự án trong quá trình đánh giá và cung cấp những đánh giá tốt nhất về các kết quả đạt được của dự án. Trong quá trình đánh giá, Tổ chức Cứu trợ trẻ em tổ chức những cuộc tham vấn với trẻ em để các đánh giá viên có thể xác định kiến thức mà các em đã học được, hiểu biết của các em và trẻ đã hưởng lợi như thế nào.

(Nguồn: DIPECHO, *Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách JANI, 2007, Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Một số điển hình làm tốt*)

¹⁶Xuân, Nguyễn Thanh. Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, tập 1. Số 2. tháng 5 2007

¹⁷Quang, Phạm Hồng, Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc miền núi; và tổng hợp từ các cuộc trao đổi phỏng vấn

3. KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG CAO

3.1 Các công cụ đánh giá và lập kế hoạch QLTT đang được thực hiện như thế nào

Để cộng đồng có thể nhận thức và đánh giá được tình hình thiên tai, các rủi ro và nguồn lực liên quan đến QLTT, và từ đó chủ động trong công tác GNRRTT tại địa phương, các tổ chức phi chính phủ và dự án đã và đang đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng (VCA). Người dân được thúc đẩy để tham gia vào các công cụ như vẽ bản đồ hiểm họa, xây dựng hồ sơ thông tin cộng đồng, đánh giá điểm mạnh điểm yếu (SWOT), xác định vai trò của các tổ chức liên quan đến QLTT, lựa chọn vấn đề và giải pháp... Các thông tin sẽ được tổng hợp để xây dựng

kế hoạch GNRRTT của địa phương, sau đó chuyển lên cấp cao hơn. Sự tham gia và chia sẻ thông tin từ chính các thành viên cộng đồng có ý nghĩa quan trọng hơn nội dung thông tin.

Người thúc đẩy quá trình VCA, lập kế hoạch là tập huấn viên tại địa phương, có thể là cán bộ đến từ các cơ quan Phòng chống lụt bão, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân, và các tổ chức như Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Hội nông dân và Đoàn thanh niên.

3.2 Bài học kinh nghiệm

3.2.1 Tầm quan trọng của tập huấn cho các cán bộ nhiều ban ngành và cán bộ các cấp

Sự tham gia của các cán bộ từ các cấp khác nhau giúp tăng tính làm chủ và ủng hộ đối với các vấn đề về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong vùng. Hơn nữa, các tập huấn viên các tỉnh và huyện thường có năng lực khá hơn, họ sẽ được tham gia vào các nhóm khác nhau để hỗ trợ cho các tập huấn viên cấp xã. Tuy nhiên, các tập huấn viên tỉnh và huyện thường không có thời gian để giám gia các hoạt động VCA hay việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng.

Để tránh vấn đề này, tập huấn nên chia thành hai phần. Với phần kiến thức, lý thuyết, các cán bộ cấp tỉnh, huyện có thể giám gia. Phần thực hành dành cho các tập huấn viên cấp xã là những người sẽ tiến hành các hoạt động VCA, nâng cao nhận thức cụ thể. Các tập huấn viên cấp xã đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển tải được các kiến thức cần thiết về quản lý rủi ro thiên tai tới cộng đồng. Chính vì vậy, việc lựa chọn được các tập huấn viên cấp xã nhiệt tình, có trách nhiệm, chủ động trong công việc là một trong những yếu tố quyết định sự thành công.

Mặt khác, để lồng ghép vấn đề GNRRTT vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của các cấp một cách hiệu quả, rất cần thiết để có các cán bộ đến từ các ban ngành khác nhau tham gia tập huấn, đánh giá và xây dựng kế hoạch.

Ví dụ, trong dự án “Xây dựng năng lực cộng đồng phòng ngừa và ứng phó thiên tai ở vùng cao” (CECI), tại Lào Cai và Kon Tum, Sở Y tế được mời tham gia với Hội phụ nữ để làm các hoạt động thiết kế tờ lịch về nước và vệ sinh môi trường sau thiên tai. Đại diện Sở văn hóa cũng được đề nghị tham gia tập huấn.

Hay như trong dự án “Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển vùng cao - BCRD” (World Vision), năng lực của các bên liên quan dự án ở các cấp khác nhau được cải thiện đáng kể thông qua các hội thảo và khóa đào tạo ToT. Nhờ tham gia vào các bài tập sau khóa học và họp điều phối dự án hàng quý, các cán bộ huyện từ các phòng ban khác nhau (nông nghiệp, kiểm lâm, giáo dục, văn hóa...) có thêm cơ hội trao đổi công việc và kinh nghiệm của họ. Họ nhận ra rằng công tác giảm nhẹ thiên tai là trách nhiệm của tất cả các ban ngành chứ không chỉ của Trưởng ban chỉ đạo phòng chống lụt bão huyện trước đây.

3.2.2 Vận dụng các công cụ có sự tham gia của cộng đồng kết hợp với các thông tin khoa học, như trường hợp kết hợp bản đồ hiểm họa vẽ tay và kỹ thuật số

Việc lựa chọn sử dụng công cụ VCA cần phù hợp và linh hoạt với điều kiện địa phương, để đảm bảo sự tham gia và xây dựng nhận thức/năng lực của cộng đồng, đặc biệt là nhóm người dễ bị tổn thương.

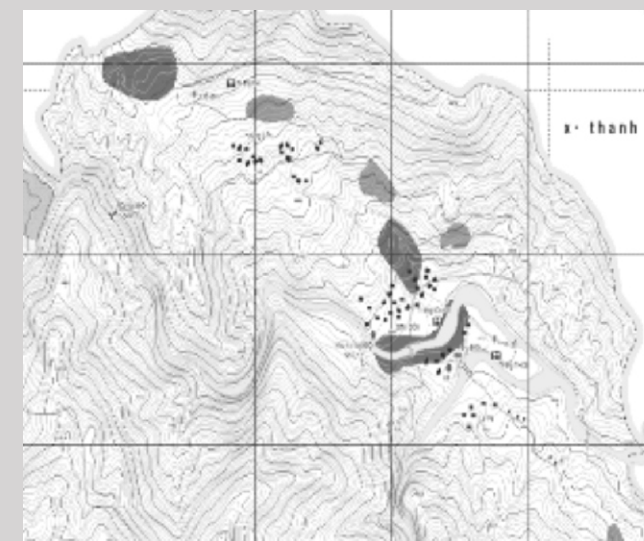
Ví dụ: việc sử dụng các thẻ màu cần lưu ý tránh các màu sắc không phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số; công cụ Venn sẽ điều chỉnh đơn giản hơn khi trao đổi đến vai trò và sự ảnh hưởng của các tổ chức liên quan,...

Bên cạnh đó, việc kết hợp các công cụ cần đảm bảo tính logic của quá trình đánh giá lập kế hoạch, để người dân ý thức rõ ràng các biện pháp cần làm trước, trong và sau thiên tai và vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong gia đình và trong cộng đồng.

Một công cụ đưa ra minh họa là việc sử dụng công cụ bản đồ hiểm họa. Bản đồ hiểm họa cung cấp những thông tin thiết yếu như (1) Loại thiên tai nào có thể xảy ra trên một khu vực nhất định và (2) Nơi xảy ra thiên tai. Việc sử dụng Bản đồ hiểm họa sẽ góp phần làm giảm tác động của thiên tai tới cộng đồng thông qua nâng cao nhận thức và hoạch định hoạt động ngăn ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Có 2 cách thức lập bản đồ rủi ro thiên tai: Bản đồ do cộng đồng vẽ và Bản đồ hiểm họa ứng dụng kỹ thuật.

Bản đồ kỹ thuật số rất hữu ích đối với các cơ quan, cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã trong việc quy hoạch khu vực dân cư và lập kế hoạch di dân. Đồng thời, loại bản đồ này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập thông tin về thiên tai, hiểm họa theo thời gian, giúp đưa ra các dự báo về tình hình và những khu vực có rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, việc sử dụng bản đồ này có hạn chế đối ở miền núi do: người dân gặp khó khăn khi đọc và hiểu bản đồ; chi phí lập và cập nhật bản đồ kỹ thuật số tương đối cao, tốn nhiều thời gian và đòi hỏi có quy hoạch rõ ràng và cần có sự hỗ trợ của Trung ương; năng lực sử dụng phần mềm của các cán bộ địa phương hãy còn hạn chế trong khi các phần mềm chuyên dụng như MapInfor, GIS đòi hỏi người sử dụng đã phải được đào tạo và có một số kỹ năng nhất định.



Hình 14: Bản đồ hiểm họa kỹ thuật số của xã Bản Hồ, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai (CECI)

Bản đồ hiểm họa vẽ bằng tay khuyến khích người dân tham gia vào dự án và tận dụng được kiến thức về thiên tai của toàn thể cộng đồng. Điều quan trọng là quá trình vẽ và thảo luận tổng hợp cùng với người dân và các đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ em, phụ nữ, người già, người khuyết tật,...) sẽ giúp cộng đồng và các bên liên quan xác định ra những rủi ro để phòng tránh và các kinh nghiệm và nguồn lực cộng đồng để huy động. Ví dụ: sự tham gia của trẻ em trong việc vẽ bản đồ hiểm họa tại Yên Bái, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình... giúp chỉ rõ chỗ các em thường vui chơi, đi lại sinh hoạt, giúp gia đình trong coi chần thả gia súc... và nguy cơ rủi ro thiên tai cao thấp tại các khu vực đó để có biện pháp phòng tránh cụ thể.

Do vậy, cần phải xác định rõ ràng mục tiêu sử dụng của bản đồ hiểm họa, đối tượng sử dụng bản đồ và mức độ chi tiết của bản đồ để quyết định lựa chọn loại bản đồ phù hợp.



Hình 15: Bản đồ hiểm họa do trẻ em thôn A Đang, xã A Ngo (Quảng Trị) vẽ (Plan International)

4. KINH NGHIỆM VỀ THÀNH LẬP CÁC NHÓM QLTT NÔNG CỐT CẤP THÔN

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Ban phòng chống lụt bão mới chỉ dừng ở cấp xã, việc phòng ngừa và ứng phó với thiên tai tới cấp thôn gặp nhiều hạn chế. Khi thiên tai xảy ra, nhất là tại các địa bàn vùng núi dễ bị chia cắt, rất cần huy động được tối đa nguồn lực tại chỗ để phản ứng kịp thời. Đồng thời, kế hoạch giảm nhẹ thiên tai cần được xây dựng và quản lý, điều hành thường xuyên. Do vậy, việc thành lập các nhóm làm việc tại cấp xã hoặc thôn góp phần giải quyết những vấn đề này.

Một số hình thức nhóm công tác cấp thôn hiện đang có như sau:

- ☛ Ban giảm nhẹ/phòng chống thiên tai cấp thôn (GNTT).
- ☛ Ban cứu hộ cứu nạn/Tìm kiếm cứu hộ cấp thôn (Ban CHCN).
- ☛ Đội xung kích cấp thôn.

Ban giảm nhẹ thiên tai cấp thôn tại huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh (Trung tâm phát triển cộng đồng Hà Tĩnh).

Ban Giảm nhẹ thiên tai (GNTT) thôn là một tổ chức cộng đồng tự quản được UBND xã quyết định thành lập, gồm 5-7 người là lãnh đạo thôn, đại diện tổ chức đoàn thể, như Hội Phụ nữ, đại diện đội cứu hộ cứu nạn, đại diện nhóm nông cốt đánh giá VCA....Đây là những người trong thôn nhiệt tình, trách nhiệm, cam kết cao và có kỹ năng điều hành, lãnh đạo cũng như kỹ năng làm việc với cộng đồng.

Ban giảm nhẹ thiên tai thôn đã huy động sự tham gia của cộng đồng một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động cộng đồng, tập hợp được các nguồn lực tại cộng đồng đồng thời phát huy được các sáng kiến, kinh nghiệm cộng đồng cho công tác giảm nhẹ thiên tai, phát huy được tinh đoàn kết, gắn

bó, tương thân tương ái trong cộng đồng. Đây là mô hình được chính quyền địa phương ghi nhận và đồng tình nhân rộng các xã.

(Nguồn: Bài trình bày Ban GNTT thôn Trung tâm phát triển cộng đồng Hà Tĩnh và phỏng vấn)

Thành lập đội xung kích cấp xã và thôn ở Trạm Tấu (Yên Bái) và Lang Chánh (Nghệ An)

Quyết định thành lập đội xung kích ở cấp xã là một sáng kiến hay trong dự án “Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển” (World Vision). Các đội Xung kích được tập huấn về sơ cấp cứu, tìm kiếm và cứu nạn và trang bị các thiết bị (bộ dụng cụ sơ cứu, cứu hộ như áo phao, đèn pin). Các thành viên của đội cho biết họ rất tự tin hoạt động nếu thiên tai xảy ra ở xã mình. Tại Trạm Tấu và Lang Chánh, các đội này chuyên sâu trong phòng chống cháy rừng. Tại Trạm Tấu, trong đợt diễn tập phòng chống cháy rừng, các đội xung kích là lực lượng quan trọng và rất tích cực.

(Nguồn: World Vision, 2008, *Báo cáo đánh giá cuối kỳ, Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển vùng*)

Đội cứu hộ cứu nạn cấp thôn ở Krông Nô (Đak Nông)

Tại Krông Nô, Đội CHCN có từ 6-8 thành viên với tiêu chí lựa chọn là: người dân trong thôn, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình với cộng đồng thôn/buôn, có sức khỏe, có kỹ năng bơi lội và sẵn sàng tham gia ứng cứu khi xảy ra thiên tai. Sau đó danh sách thành viên đội CHCN do thôn/buôn bình chọn được gửi lên cho UBND xã để có quyết định thành lập. Các thành viên đội CHCN được tập huấn nâng cao năng lực thông qua các khóa tập huấn về các khái niệm thảm họa, kỹ năng cứu hộ cứu nạn, kỹ năng điều khiển thuyền bè trong điều kiện nước lớn.

Anh Văn Phú Nam, 39 tuổi, người thôn Xuyên Nghĩa có 2 con trai 14 tuổi và 12 tuổi. Thu nhập của cả gia đình đều trông vào việc trồng lúa và cà phê. “Tôi luôn luôn theo dõi sát sao tình hình thời tiết vì đợt lũ khủng khiếp năm 2000 đã làm nhân dân trong vùng gặp quá nhiều khó khăn”, anh Nam trả lời khi được hỏi về vấn đề lũ lụt trong vùng. “Tôi là thành viên của Đội CHCN xã do người dân bầu chọn và được chính quyền địa phương thành lập”, anh nói: “Dù bận đến mấy tôi cũng luôn cố gắng tham gia các hoạt động của dự án vì nó thực sự giúp ích cho cộng đồng và cho bản thân tôi”.

(Nguồn: AAV, 2011, *Báo cáo hoạt động Dự án hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Dak Nông*)



Hình 16: Anh Văn Phú Nam, thành viên đội CHCN
“Dù bận đến mấy tôi cũng luôn cố gắng tham gia các hoạt động của dự án vì nó thực sự giúp ích cho cộng đồng và cho bản thân tôi”. (AAV)

GIẢI ĐOẠN TRONG THIÊN TAI

5. KINH NGHIỆM TỪ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VÀ CỨU TRỢ KHẨN CẤP

5.1 Công tác ứng phó và cứu trợ khẩn cấp được thực hiện như thế nào

Các biện pháp ứng phó và cứu trợ khẩn cấp cần đảm bảo cộng đồng có khả năng ứng phó với tác động của thiên tai. Trong cứu trợ khẩn cấp có các hoạt động chính sau:

- ☛ Khởi động kế hoạch khẩn cấp
- ☛ Tìm kiếm và cứu nạn
- ☛ Sơ tán
- ☛ Phân phối đồ cứu trợ (thức ăn, tiền mặt, đồ tiền lấy công..)
- ☛ Hỗ trợ y tế
- ☛ Khôi phục và cải thiện điều kiện nước và vệ sinh

Trong đó, các cấp chính quyền địa phương thực hiện theo phương châm “Bốn tại chỗ”, khi cần thiết huy động cả lực lượng quân sự tại các khu vực xung quanh tới khi xảy ra thiên tai. Còn các tổ chức bên ngoài tập trung chủ yếu vào công tác phân phối đồ cứu trợ, hỗ trợ y tế, khôi phục và cải thiện nước và điều kiện vệ sinh.

5.2 Các bài học kinh nghiệm ứng phó và cứu trợ khẩn cấp

5.2.1 Chuẩn bị tốt kế hoạch ứng phó khẩn cấp góp phần giảm thiểu rủi ro

Một kế hoạch khẩn cấp tốt và hiệu quả thể hiện qua việc xác định rõ vai trò và trách nhiệm trong cộng đồng khi thiên tai xảy ra. Chuẩn bị kế hoạch khẩn cấp giúp giảm thiểu thiệt hại và mất mát của cộng đồng và làm tăng tinh thần tương trợ trong cộng đồng.

Thôn Phú Lợi, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô có 241 hộ gia đình, trong đó khoảng 80% hộ là dân tộc M'nông, 20% còn lại gồm người Kinh, Thái, Mường. Đã thành lập được đội CHCN gồm 9 người và ban GNTT gồm 8 người (2 nữ) ở mỗi thôn/buôn. Các thành viên này được luyện tập, trang bị những thiết bị cứu hộ cứu nạn trong mùa mưa bão.

Một ngày tháng 5/2010, một trận mưa to kèm lốc xoáy đã xảy ra tại khu vực xã Quảng Phú và thôn Phú Lợi là tâm điểm của cơn lốc. Chỉ trong vòng 2 tiếng đồng, tại thôn Phú Lợi, 12 nhà đã bị sập hoàn toàn và 120 nhà khác đã bị tốc mái tôn. Đứng trước

tình hình đó, ban GNTT của thôn và đội CHCN đã khẩn trương được triệu tập để bàn phương án cứu hộ. Tất cả các thành viên đã nhanh chóng thống nhất phân công 2 người/nhóm đi khảo sát từng hộ để nắm bắt tình hình thiệt hại và giúp đỡ ban đầu cho các nhà bị lốc tàn phá. Đồng thời, lãnh đạo thôn cũng đã thông báo đến chính quyền xã, huyện và Ban giảm nhẹ thiên tai của xã. UBND xã đã cử 2 cán bộ trực tiếp cùng với thôn đi nắm bắt tình hình và chỉ đạo việc khắc phục hậu quả của đợt lốc xoáy. Ngay ngày hôm sau, đội cứu hộ cứu nạn của thôn, kết hợp với thanh niên của thôn đã tiến hành dựng lại nhà cho các hộ gia đình nghèo bị sập nhưng không có khả năng tự phục hồi.

Điều đặc biệt trong trường hợp này là thôn Phú Lợi đã có thể nhanh chóng lên phương án khắc phục hậu quả của cơn lốc xoáy. Ý thức trách nhiệm của Ban giảm nhẹ thiên tai và đội cứu hộ thể hiện rất rõ ràng. Họ đã nhanh chóng tập trung khi được triệu tập và cùng thực hiện kế hoạch giúp đỡ các hộ gia đình nghèo bị thiệt hại nặng.

(Nguồn: AAV, 2011, *Báo cáo hoạt động Dự án hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Dak Nông - Theo lời kể của anh Y Hoan, Phó ban GNTT thôn Phú Lợi*)

5.2.2 Chú trọng công tác điều phối cứu trợ giữa các tổ chức, huy động sự tham gia của các nhà cung cấp và tình nguyện viên địa phương để làm tăng hiệu quả cứu trợ và giảm chi phí

Tại các khu vực miền núi, do những hạn chế về thông tin liên lạc, địa hình, và cũng do năng lực của các cơ quan đầu mối/cán bộ địa phương, việc đánh giá thiệt hại ngay sau thiên tai tại các địa phương cũng như công tác điều phối cứu trợ gặp nhiều khó khăn (có chỗ được cứu trợ nhiều, nơi lại được cứu trợ ít hoặc có chỗ lại chưa được cứu trợ).

Ngay khi thiên tai xảy ra, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế (Nhóm làm việc về quản lý thiên tai) cùng tiến hành hợp với Trung tâm quản lý thiên tai (Bộ PTNNNT), phân công trách nhiệm giữa các thành viên, và tiến hành một cuộc đánh giá chung với sự hợp tác của Ủy ban điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM). Nhóm đánh giá sẽ đi thực địa tới vùng chịu ảnh hưởng thiên tai và tiến hành và tổng hợp kết quả đánh giá nhanh. Tùy thuộc vào kết quả được thông báo, mỗi tổ chức sẽ xác định vai trò và mức độ can thiệp của mình trong công tác cứu trợ.

Các tổ chức nên thiết lập cơ chế đối tác với các nhà cung cấp tại địa phương để cắt giảm chi phí và hỗ trợ tối đa cho người dân vùng bị ảnh hưởng. Khi thiên tai xảy ra, cũng có một số nhà cung cấp các hàng mặt hàng thiết yếu sẽ tận dụng cơ hội để tăng giá nên cần cẩn thận kiểm tra giá và lựa chọn nhà cung cấp có điều kiện tốt nhất.

Các công ty và nhóm tình nguyện thường tận dụng các kênh thông tin có sẵn của họ (cán bộ nhân viên trong công ty, người quen, họ hàng đang sống trong vùng bị ảnh hưởng hoặc có mối liên hệ với những người trong vùng ảnh hưởng) để hỏi thăm thông tin về thiệt hại, nhu cầu.

Tập đoàn FPT thông qua mạng lưới thanh niên và sinh viên tình nguyện tại Hà Tĩnh, là thành viên của diễn đàn vicongdong.org để hỏi rõ thông tin thiệt hại, xác định nhu cầu của người dân tại địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong trận lụt lịch sử cuối năm 2010 trước khi tiến hành công tác cứu trợ.

Anh Nguyễn Quang Thạch (*Wwww.sachlangque.net*) thông qua mạng lưới các dòng họ tại vùng địa bàn Hà Tĩnh bị lũ lụt và bạn bè để có thông tin chính xác về mức độ thiệt hại và nhu cầu của người dân.

5.2.3 Huy động sự tham gia của khối tư nhân và tăng cường hợp tác Công - Tư trong việc giảm rủi ro thiên tai

Cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Chính phủ thực hiện các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ, Quỹ Hỗ trợ phòng chống thiên tai Miền Trung Việt Nam được được thành lập đầu năm 2009. Sau 2 năm hoạt động, quỹ đã nhận được khoảng 2 triệu đô la Mỹ. Trong năm 2011, số tiền cam kết ủng hộ là 3 triệu Đô la Mỹ. Nguồn tài trợ chủ yếu đến từ các tập đoàn/doanh nghiệp lớn như PetroVietnam, VietinBank, AgriBank, Vincom...

Tại khu vực miền núi, cộng đồng doanh nghiệp mới chỉ tập trung vào công tác cứu trợ và phục hồi sau thiên tai. Ví dụ, tập đoàn Viettel đã hỗ trợ khắc phục lũ lụt tại tỉnh Bắc Kạn trong đợt lũ năm 2008. Tập đoàn Thiên long tài trợ 400 triệu đồng (USD 20000) để xây dựng một số lớp học bị hư hại cho trường Sơn Phú, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2011, Quỹ Hỗ trợ phòng ngừa thiên tai Miền Trung giúp xây trạm y tế kiêm nhà cộng đồng tránh lũ ở xã miền núi Thanh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Việc tham gia của khối tư nhân đang thể hiện được trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp - đóng góp vào phát triển bền vững với cộng đồng. Một số công ty tư nhân hoặc nhóm tập thể đóng góp cứu trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật thông qua các tổ chức có trách nhiệm (ví dụ như Hội chữ thập đỏ tỉnh/huyện hay Mặt trận tổ quốc tỉnh/huyện). Hoặc rất nhiều công ty tổ chức thành đoàn đi tới thực địa tại nơi xảy ra thiên tai để phân phát tận nơi cho người dân, kêu gọi cán bộ nhân viên của mình cùng trực tiếp tham gia, xây dựng tinh thần chia sẻ và đoàn kết. Lí do khác cũng được đề cập đến là họ chưa tin tưởng vào việc phân phối công bằng và minh bạch của các cơ quan nhà nước.

Trong trận lũ lịch sử tại miền Trung tháng 10/2010, thay mặt tập đoàn FPT, Phòng Trách nhiệm xã hội chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện cứu trợ khẩn cấp cho tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Phòng đã làm việc với các nhà cung cấp tại khu vực để mua gạo, mì, sách vở để giảm chi phí vận tải. Nhờ mạng

lưới thanh niên tình nguyện trong vùng, Phòng đã liên hệ với các trưởng thôn các thôn bị ảnh hưởng nhưng chưa được hỗ trợ để biết chính xác mức độ thiệt hại và nhu cầu của người dân tại thời điểm đó. Khi phân phát, Phòng CSR hợp tác với nhóm tình nguyện tại địa phương đi tới vùng bị ảnh hưởng. Theo danh sách của trưởng thôn, và thu thập thông tin của những người dân, phòng CSR sẽ quyết định các mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ.

Tập đoàn FPT đã hỗ trợ khoảng 820 triệu đồng (41000 đô la Mỹ) để hỗ trợ khẩn cấp tại Hà Tĩnh và Quảng Bình. Tập đoàn cũng hỗ trợ một thuyền cứu hộ chuyên dụng và gói hàng hỗ trợ khẩn cấp gồm tiền mặt, gạo, sách vở cho học sinh, dầu ăn, nước mắm, gạo, mì cho người dân tại huyện Hương Khê (Hà Tĩnh) và huyện Bố Trạch (Quảng Bình).

(Nguồn: *Tổng kết từ báo cáo và phỏng vấn với cán bộ phòng CSR Tập đoàn FPT*).

Thực tế cho thấy rằng hợp tác công-tư trong các hoạt động phòng ngừa và rủi ro thiên tai sẽ đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn nữa. Một số khuyến nghị cần thiết để tăng cường hợp tác Công Tư hơn nữa là:

- Thành lập Quỹ giảm nhẹ rủi ro thiên tai gồm các khoản cam kết của khu vực tư nhân hỗ trợ chính phủ trong hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Cần có cơ chế khuyến khích cho những công ty/tập đoàn chuyên ngành (ví dụ, các công ty nông nghiệp/công nghệ/viễn thông hoạt động trong khu vực bị rủi ro thiên tai, đặc biệt là khu vực miền núi).
- Các công ty đang hoạt động tại vùng bị thiên tai có thể tham gia vào các kế hoạch phòng ngừa rủi ro thiên tai hàng năm tại cộng đồng.
- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ của các công ty, ví dụ như biểu diễn văn nghệ tại cộng đồng, in ấn các tài liệu giáo dục-thông tin-truyền thông, thiết lập các bảng thông tin, tham gia vào các chương trình an toàn tại trường học.

(Nguồn: *Tổng kết tại hội thảo về Hợp tác Công-Tư trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai*, Hà Nội - tháng 4, 2011)

5.2.4 Phân phối hàng viện trợ khẩn cấp phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân, với các đối tượng khác nhau, đồng thời kết hợp tập huấn tại chỗ

Hàng viện trợ khẩn cấp cần đáp ứng đúng nhu cầu thực tế của người dân

Khu vực tư nhân và các nhóm tập thể rất linh hoạt trong công tác phân phối và di chuyển tới được những địa bàn khó khăn nhất. Tuy nhiên, việc ủng hộ mang tính tự phát nên nhiều khi dẫn đến trùng lặp về cơ cấu danh mục các mặt hàng cứu trợ hay mặt hàng cứu trợ chưa thực sự phù hợp với người dân trong những điều kiện cụ thể. Trong trận lũ lịch sử tại Hà Tĩnh năm 2010, rất nhiều người dân trong vùng đã mang mỳ tôm đi bán để lấy tiền mua các hàng hóa cần thiết khác như nước, thuốc, đồ vệ sinh. Trong khi đó, có nhiều nhu yếu phẩm khác mà người dân trong bão lũ cần đến như nước uống sạch, chăn màn quần áo khô, các loại nguyên liệu chuyên dụng có thể đốt lửa vẫn bị thiếu.

Ví dụ, gói hỗ trợ khẩn cấp được phân phối tại Quảng Trị trong cơn bão Ketsana của Tổ chức Cứu trợ trẻ em bao gồm:

- 40 kg gạo (đủ cung cấp trong vòng 5 tuần cho một gia đình cỡ trung bình)
- Bộ đồ dùng gia đình (chất xử lý nước, chăn màn)
- Bộ đồ vệ sinh (xà phòng, kem đánh răng, khăn mặt, băng vệ sinh phụ nữ)
- Bộ hướng dẫn giữ gìn vệ sinh (gồm tranh ảnh, hướng dẫn bằng lời đơn giản)
- Bộ hướng dẫn chăm sóc trẻ em (có các tranh ảnh và lời đơn giản hướng dẫn cho trẻ em ăn)

Danh mục hàng cứu trợ này được lập qua chuyến đi đánh giá thực địa nhanh và tư vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực cứu trợ khẩn cấp

(Nguồn: SC, 2010, Báo cáo 6 tháng chương trình Viện trợ khẩn cấp bão Ketsana)

Danh sách tổng hợp các danh mục hàng cứu trợ khẩn cấp phù hợp với từng địa phương, từng địa bàn và nên được chia sẻ giữa các mạng lưới, trên các phương tiện truyền thông để công tác phân phối được hiệu quả và tích kiệm chi phí.

Nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, phụ nữ cần được quan tâm đặc biệt. Ví dụ, người già và trẻ em cần sữa để uống, phụ nữ cần băng vệ sinh.

Kết hợp phân phát hàng viện trợ khẩn cấp với tập huấn cho các cán bộ ở các cấp, đặc biệt là tập huấn về y tế và vệ sinh.

Tập huấn tại chỗ giúp các cán bộ địa phương được trang bị những kiến thức cần thiết về y tế và vệ sinh. Sau đó, các cán bộ này sẽ hướng dẫn cho các hộ gia đình. Ở vùng miền núi, nhiều người

dân không có thói quen thường xuyên uống thuốc và tuân theo những quy định hướng dẫn vệ sinh nên rất cần kiên nhẫn nhắc nhở.

Ở tỉnh Quảng Trị, khi thiên tai xảy ra, các cộng đồng dân tộc thiểu số không đủ ăn và suy dinh dưỡng trẻ em. Để đảm bảo tình trạng này không trở thành một vấn đề kinh niên, Tổ chức Cứu trợ trẻ em đã hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng tuổi tới 2 tuổi, bà mẹ mang thai và phụ nữ cho con bú. Các hoạt động này được lồng ghép vào dự án khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ bắt đầu ngay khi xảy ra thiên tai.

Tổ chức đã tập huấn cho mạng lưới gồm 214 cán bộ ở trạm xá từ huyện tới xã, từ cán bộ tới thành viên

hội phụ nữ. Buổi tập huấn giới thiệu các khái niệm dinh dưỡng trẻ em, nuôi con bằng sữa mẹ, hỗ trợ và hướng dẫn các bà mẹ.

Py Bach, một bà mẹ trẻ có 2 con nhỏ, một con gái, một con trai đã biết thêm rất nhiều điều về nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng trẻ em. Cô tham gia vào các buổi họp nhóm đều đặn vì thấy thực sự hữu ích. “Đầu tiên, tôi cũng không uống thuốc thường xuyên đâu, nhưng sau khi nghe các cán bộ y tế xã nói, tôi biết là sẽ rất tốt cho sức khỏe của cháu, nên tôi bắt đầu lại uống thuốc lại”

(Nguồn: Tổ chức cứu trợ Trẻ em, 2010, Báo cáo 6 tháng chương trình Viện trợ khẩn cấp bão Ketsana)



Hình 17: Py Bach, bà mẹ trẻ có hai con nhỏ đang rất vui khi được học hỏi thêm nhiều về nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng trẻ em (SC)

5.2.5 Quan tâm tới công tác truyền thông, phổ biến thông tin rõ ràng, tới nhiều bên để đảm bảo công khai minh bạch trong quá trình cứu trợ

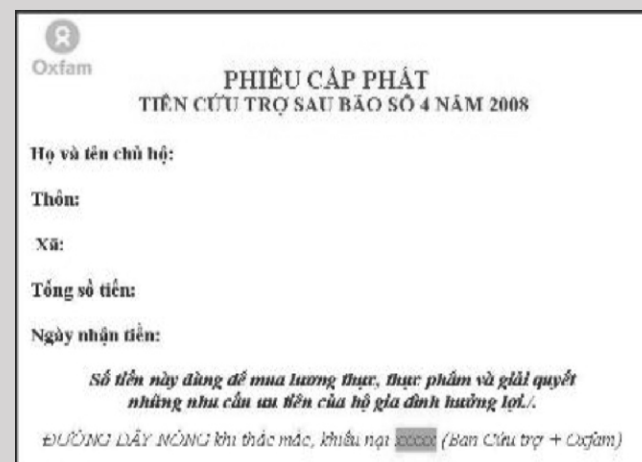
Mỗi khi xảy ra thiên tai, các công ty, cá nhân, đoàn thể xã hội đã, đang và sẽ huy động sự ủng hộ rất đáng kể về tài chính và hiện vật cho người dân bị ảnh hưởng thiên tai, đặc biệt khu vực miền núi. Tuy nhiên, rất nhiều quan ngại về các vấn đề tiêu cực trong việc phân phát hàng viện trợ không hiệu quả, hay không đến đúng người đúng chỗ. Chính vì vậy, công tác truyền thông và phổ biến thông tin rõ ràng, tới nhiều bên trong quá trình cứu trợ cần được quan tâm để tăng tính minh bạch và hiệu quả của công tác cứu trợ.

Khi phân phát hàng cứu trợ, các cán bộ cần làm việc chặt chẽ với chính quyền địa phương. Một số ghi chú giới thiệu về dự án và các số điện thoại liên hệ trực tiếp của cán bộ dự án có thể dán lên bảng thông tin tại văn phòng UBND thường là địa điểm người dân tập trung để nhận hàng tài trợ.

Tài liệu Giáo dục-truyền thông-thông tin được phân phát tới tận nơi cho người dân cũng như

tổ chức các buổi thảo luận nhỏ giữa các cán bộ và người dân. Các thông tin có thể được dán ở các trường học và trung tâm y tế xã.

Các nhóm tình nguyện tham gia thường xuyên công bố rõ thông tin về người ủng hộ, địa chỉ được nhận cứu trợ.



Hình 18: Phiếu cấp phát trên cứu trợ sau bão số 4 năm 2008 (Oxfam).

5.2.6 Kết hợp các hình thức cứu trợ và cần nhắc tới hình thức cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện tại khu vực miền núi.

Các hình thức cứu trợ hiện nay rất đa dạng, tùy thuộc vào từng chính sách của tổ chức hoặc khả năng huy động của từng đơn vị, gồm 3 loại: Bằng hiện vật, bằng tiền mặt, lao động đổi công và phiếu tiền mặt.

Cứu trợ bằng hiện vật đã giúp người dân giải quyết được những khó khăn sau thiên tai nhưng cũng thể hiện nhiều bất cập. Hàng cứu trợ không phù hợp hoặc không đáp ứng được yêu cầu cấp phát do sự khác nhau về chất lượng, mẫu mã, chủng loại. Loại hình lao động đổi công hỗ trợ người dân địa phương xây dựng hoặc sửa chữa một số cơ sở hạ tầng công ích về lâu dài. Số tiền họ nhận

được giúp họ mua thức ăn và các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do vậy, có thể kết hợp các hình thức cứu trợ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân, trong đó cần cần nhắc tới hình thức cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện.

Báo cáo đánh giá của Plan International (tháng 6, 2011) về việc cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện tại Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, cho rằng cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện là phương thức cứu trợ ưu việt. Vì đây là phương thức cứu trợ hiệu quả, ít tốn kém, không lãng phí và đáp ứng đúng nhu cầu đích thực của người dân sau thiên tai và họ có thể quyết định sử dụng tiền vào những

việc mà họ cần. Theo báo cáo, hầu hết (99,86%) ý kiến cho rằng cứu trợ bằng tiền mặt là rất quan trọng và thiết yếu đối với người dân để khắc phục hậu quả lũ lụt. Có tới 96,6% hộ được điều tra mong muốn được cứu trợ bằng tiền mặt trong thời gian tới.

Mặc dù, theo nguyên tắc, địa bàn xảy ra thiên tai là nơi phải có thị trường hàng hóa tốt để thực hiện cứu trợ bằng tiền không điều kiện và lao động đổi công, nhưng báo cáo này cũng cho thấy hai hình thức cứu trợ này có tác động tích cực dù nhỏ đối với thị trường miền núi thông qua việc thúc đẩy kinh tế địa phương. Khoảng 73% số hộ tham gia đánh giá cho rằng, không có khó khăn gì về thị trường hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu đều sẵn có và dễ mua tại địa phương. Có 65% số hộ đã sử dụng số tiền cứu trợ để mua sắm ngay trong xã và khoảng 34% mua sắm ở ngoài xã. Kết quả cũng cho thấy, khoảng 53% số hộ cho rằng giá của các mặt hàng thiết yếu không tăng sau cứu trợ. Và ngay cả trong số 47% số hộ cho rằng giá có tăng, thì hầu

hết (82%) cho rằng nguyên nhân tăng giá không phải do có tiền cứu trợ.

Tuy nhiên, việc cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện cũng cần lưu ý đến¹⁸:

- Đánh giá nhu cầu trước khi thiết kế chương trình cứu trợ;
- Xây dựng tiêu chí chọn hộ rõ ràng, đảm bảo công khai minh bạch trong xét chọn là rất quan trọng;
- Có cơ chế phản hồi và thẩm định lại hộ hưởng lợi trước khi phát tiền;
- An ninh không phải là vấn đề lớn trong điều kiện Việt Nam nhưng nên làm tốt việc chuẩn bị tiền trước khi phát để tránh sai sót;
- Xác định thời gian phát tiền hợp lý để đồng tiền được sử dụng hiệu quả nhất;
- Xác định mức độ hỗ trợ hợp lý cho từng vùng, không nên áp dụng mức hỗ trợ chung cho các vùng có mức độ thiệt hại khác nhau.



Hình 19: Y Nui và chồng, A Lap ký nhận tiền
Photo: Nguyễn Văn Vinh (Oxfam).



Hình 20: Người dân ở thôn cải tạo đường đi làm ruộng sau cơn bão /Photo: Nguyễn Văn Vinh (Oxfam).

Lao động đổi công tại huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Oxfam)

Tại huyện Tu Mơ Rông, ngay sau bão Ketsana năm 2009, con đường vào trung tâm huyện đã bị ngập trong bùn đất không thể đi nổi. Rất nhiều trẻ em phải bỏ học vì không thể đến trường.

Ở nhà Y Nui có bốn 4, anh chồng say rượu, một trẻ 4 tuổi và một bà mẹ già. Hộ gia đình Y Nui được xếp vào loại hộ nghèo. Ở trong nhà giờ chẳng còn có gạo, ở ngoài đồng cũng chẳng có gì.

Mặc dù cô đã tham gia buổi họp và được dự án hỗ trợ 80,000 đồng cho mỗi ngày công làm việc, tổng cộng cô được nhận tất cả là 1,100,000 sau 7 ngày làm việc. Y Nui rất ngạc nhiên: "Đây là lần đầu tiên trong đời", Y Nui nói. Con đường đã được sửa sang để người dân có thể dễ dàng đi ra ruộng, trẻ con có thể đến trường. Y Nui dự kiến sẽ dùng tiền này để mua gạo, cá khô, muối, quần áo và một vài đồ linh tinh khác.

(Nguồn: <http://oxfaminvietnam.wordpress.com/>)

¹⁸ Plan International, 2011, Báo cáo đánh giá dự án: Cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện cho người dân vùng lũ tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị

GIAI ĐOẠN SAU THIÊN TAI

6. XÂY DỰNG VÀ SỬA CHỮA NHÀ CỬA VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

6.1 Việc sửa chữa và xây dựng nhà cửa, các công trình công cộng như thế nào sau thiên tai?

Các hoạt động xây dựng sau bão tập trung vào việc xây dựng hoặc sửa chữa các công trình, bao gồm nhà cửa và các công trình công cộng bị hư hại.

Tại vùng bị bão, một ngôi nhà an toàn có thể chống đỡ được với tác động thiên tai, giúp người dân an toàn ở bên trong. Khi bị lụt, một ngôi nhà an toàn giúp gia đình có thể sống ở bên trong tối thiểu 3-5 ngày để đội cứu hộ có thể tới tìm khi nước rút. Nhà ở những vùng khác nhau có thể khác nhau về thiết kế, vật liệu và tùy thuộc vào nhu cầu của người dân. Cũng tùy theo phong tục, văn hóa, thói quen và khả năng tài chính, nhà ở có thể được thiết kế bằng gỗ, gạch, hay bê tông. Tại vùng miền núi, đa phần người dân không đủ khả năng tài chính để làm nhà sàn chống lũ vì giá gỗ đắt đỏ, và việc khai thác gỗ trong rừng gặp nhiều khó khăn. Khi bão lũ xảy ra, những ngôi nhà không kiên cố thường bị thiệt hại nhiều hơn, và sau bão lũ, người dân thường phải đầu tư vào việc sửa sang lại nhà cửa. Những chi phí đó thường rất tốn kém đối với những hộ gia đình nghèo.

Các tổ chức hỗ trợ một số tiền cho gia đình có nhà cửa bị hư hại bởi bão. Bên cạnh đó, các tổ chức còn cung cấp cả thông tin tư vấn xây dựng.

Đối với các công trình công cộng, đây thường là những công trình đảm bảo cho các hoạt động nông nghiệp, công trình giao thông đi lại, công trình y tế và giáo dục cho người dân địa phương như đường, đập, kênh tưới tiêu, nhà tránh lũ, trường học, trạm xá. Khi xảy ra thiên tai, các công trình công cộng có thể được huy động làm nơi tránh lũ/bão (trạm xá, trường học).

6.2 Các bài học kinh nghiệm

6.2.1 Sự tham gia của người dân là yếu tố quan trọng trong chất lượng cải tạo lại/xây mới nhà hay các công trình công cộng

Khi nhà được xây hay sửa xong, có thực tế là nhiều hộ gia đình lại từ chối ở trong ngôi nhà, do họ thấy không thoải mái hay không phù hợp với cách sống. Do vậy, cần thu hút sự tham gia của họ trong toàn bộ quá trình:

☛ Do hạn chế về ngân sách và thời gian, thường chỉ có một số các hộ gia đình trong số rất nhiều gia đình bị ảnh hưởng của thiên tai được hưởng lợi nên việc xây dựng và thống nhất được các tiêu chí lựa chọn hộ gia đình cần có sự tham gia của các đối tác địa phương, việc chọn các hộ hưởng lợi cần sự tham gia của cả người dân để tránh được các tranh cãi và mâu thuẫn. Các tiêu chí lựa chọn cần rõ ràng, minh bạch.

Ví dụ, trong dự án Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả của bão Lekima (CECI, 2008) tại Quảng Bình và Nghệ An, cán bộ dự án làm việc với cán bộ cấp huyện và xã để thống nhất được các tiêu chí lựa chọn hộ gia đình. Cán bộ xã sẽ họp bàn với cộng đồng để đề xuất một danh sách các hộ gia đình dựa trên các tiêu chí này. Các cán bộ xã và kỹ sư/cán bộ dự án sẽ tiến hành khảo sát lựa chọn các hộ gia đình hưởng lợi. Khảo sát dựa vào các thông tin hộ gia đình, tình trạng bị hư hại, khả năng hồi phục, nhu cầu hiện tại, thiết kế nhà, các vấn đề kỹ

thuật xây dựng nhà và cả nguồn nguyên liệu xây dựng. Trước khi bắt đầu xây dựng, một cuộc họp cộng đồng cũng được tổ chức để thống nhất danh sách cuối cùng cùng với người dân và các cấp cán bộ, và thống nloại thiết kế nhà chọn để xây.

(Nguồn: CECI, 2008, *Báo cáo tổng kết Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả bão Lekima*)

☛ Kêu gọi đóng góp của người dân làm tăng tính sở hữu. Người dân có thể đóng góp bằng sức lao động hoặc tiền mặt. Ở huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Tổ chức Cứu trợ trẻ em cấp một khoản tiền mặt 5 triệu đồng (khoảng 250 đô la Mỹ) cho mỗi một hộ gia đình được lựa chọn. Phần tiền còn lại là do chủ nhà đóng góp. Ở Quảng Bình và Nghệ An, dự án Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả của bão Lekima (CECI) hỗ trợ mỗi gia đình 8 triệu đồng (400 đô la Mỹ), chủ nhà đóng góp phần tiền còn lại và công sức.

☛ Cung cấp cho hộ gia đình những kỹ thuật xây dựng cơ bản để họ có thể giám sát chất lượng và tiến độ xây/sửa nhà. Ví dụ, kỹ thuật làm thế nào để nhìn được vữa trộn có tốt hay không.

6.2.2 Lưu ý tới thời gian xây nhà ở vùng cao phù hợp với điều kiện thời tiết và văn hóa địa phương

Tại Tây Nguyên, mùa mưa kéo dài bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 nên cần tính toán thời gian hợp lý và chi phí để tránh việc khó khăn và tăng giá khi vận chuyển nguyên vật liệu.

Khi xây dựng nhà ở Kon Tum, tổ chức DWF đã hoàn thành 150 nhà ở Kon Tum gồm 3 huyện. Đây là tỉnh có địa bàn rộng, vận chuyển vật liệu cực kì khó khăn. Hơn nữa 100% người hưởng lợi là bà con dân tộc nghèo, việc đóng góp đối ứng là rất ít và khó khăn. Thời gian thi công quá ngắn (chưa đầy 3 tháng), gặp mùa mưa, giá vật liệu và công vận chuyển tăng nhiều. Cuối cùng, tiến độ xây dựng chỉ chậm 15 ngày so với tiến độ đề ra do dự án đã cố gắng tập trung nguyên vật liệu sớm (trước mùa mưa) và Cán bộ chữ thập đỏ địa phương (Tỉnh, huyện) nhiệt tình cùng DWF theo dõi đôn đốc, giám sát công việc.

(Nguồn: DWF, 2011, Báo cáo về kết quả xây nhà phòng chống thiên tai ở Kon Tum)

Thời gian phân phối tiền mặt cho các hộ gia đình cũng cần lưu ý, ví dụ tránh phân phối tiền mặt trước thời điểm Tết vì người dân sử dụng tiền mặt cho mục đích mua sắm chuẩn bị Tết hơn là xây hay sửa nhà. Theo phong tục, vào đầu năm, người dân cũng tránh dỡ nhà để sửa chữa hay xây mới. Trong thời gian xây dựng cũng cần tính tới thời gian làm vụ mùa của người dân (thường mất thêm 2 tuần ngưng trệ không xây dựng được).

Nhà an toàn tránh bão ở huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum

Huyện Tu Mơ Rông có 11 xã, người dân tộc Xê Đăng chiếm 97% dân số. Sau bão Ketsana, dự án của Tổ chức Action AID đã hỗ trợ xây dựng lại nhà cửa cho những hộ gia đình chịu thiệt hại nặng.

- **Người hưởng lợi:** Cộng đồng tự lựa chọn người hưởng lợi theo tiêu chí đã thống nhất: các hộ khó khăn, thuộc dạng phải sơ tán khỏi địa bàn dễ bị lũ đất, hộ gia đình có người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, phụ nữ làm chủ hộ gia đình.
- Thiết kế nhà: Theo mẫu thiết kế nhà của chương trình 167 (Bộ xây dựng), có tham khảo tới các mẫu

nhà thiết kế của Habitat và tổ chức DWF cùng với các mẫu nhà địa phương.

- **Tổng chi phí** ước tính khoảng 40 triệu đồng (2,000 đô la Mỹ) với đóng góp của dự án là 30 triệu, ngân sách Chính phủ hỗ trợ 8 triệu. Số còn lại người dân đóng góp bằng công lao động và vật liệu đơn giản.

- **Cơ chế giám sát:** Phòng Kinh tế và Cơ sở hạ tầng chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật. Ban Quản lý dự án và cán bộ chương trình của AAV kiểm tra chéo. Ban Giám sát cộng đồng gồm các đại diện từ Ủy ban nhân dân xã cùng với bản thân hộ hưởng lợi trực tiếp giám sát tiến độ và chất lượng.

Nhà mới xây dựng có những lợi thế sau:

- Chi phí không cao như chi phí xây dựng ngoài thị trường (ước tính khoảng 45-50 triệu đồng).
- Thiết kế phù hợp, an toàn và chấp nhận được, trong quá trình thiết kế.
- Thi công có cả sự tham gia của người hưởng lợi.

(Nguồn: AAV, 2011. Tổng hợp từ Bài trình bày về “Nhà an toàn tránh lũ ở Tu Mơ Rông”; và phỏng vấn)

Tránh khỏi công xây dựng vào mùa vụ của người dân vì trong khoảng thời gian này, công việc sẽ bị ngưng trệ. Dựa trên những ý kiến đóng góp của người dân, nên đề xuất nhiều mẫu xây dựng nhà để người dân có thể lựa chọn phù hợp với khả năng tài chính và đặc điểm của gia đình họ.

Ví dụ, tại dự án Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả của bão Lekima (CECI, 2008) tại Nghệ An/Quảng Bình, dự án giới thiệu 3 mẫu nhà. Diện tích mỗi mẫu nhà phụ thuộc vào quy mô của gia đình. Loại thiết kế đầu tiên dành cho gia đình có 4 thành viên, loại thiết kế thứ hai dành cho gia đình có nhiều hơn 4 người, và mẫu thiết kế cuối cùng có cùng diện tích như mẫu thứ 2 nhưng có sử dụng khung nhà truyền thống bằng gỗ.

(Nguồn: CECI, 2008, Báo cáo tổng kết Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả bão Lekima)

7. HOẠT ĐỘNG SINH KẾ TẠI VÙNG CAO

7.1 Các hoạt động sinh kế thực hiện như thế nào tại vùng cao

Sinh kế là cách “kiếm sống”, sinh kế liên quan tới những nguồn lực như đất, giống, mùa vụ, lao động, tri thức, tiền, mối quan hệ xã hội...v.v..

Hỗ trợ và phát triển sinh kế bền vững có thể thực hiện trước hay sau thiên tai một thời gian nhất định nhằm đa dạng và cải thiện thu nhập của người dân.

- Trước thiên tai, các hoạt động chung là giúp người dân trồng cây/chăn nuôi những loài ít bị ảnh hưởng do thiên tai hay thay đổi vụ mùa sản xuất. Mục đích cuối cùng của các hoạt động sinh kế lúc này là đa dạng và cải thiện thu nhập

7.2 Các bài học kinh nghiệm về sinh kế tại vùng miền núi

7.2.1 Vai trò của các tổ chức liên quan trong việc lựa chọn loại cây hay gia súc gia cầm chăn nuôi

- Vấn đề “trồng cây gì, nuôi con gì” luôn phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, do vậy, các cơ quan chính quyền địa phương và cộng đồng cũng phải được tham vấn. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn xã/huyện và Phòng khuyến nông là nguồn tư vấn chính.

Dự án phục hồi sau bão của ADRA hỗ trợ 20 kg giống lạc và 60 kg phân phosphate-nitrate cho 600 hộ dân ở Hà Tĩnh để giúp họ khởi động lại mùa vụ sau thiên tai. Ủy ban nhân dân huyện phân công cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn lựa chọn giống và loại phân phù hợp. Cán bộ điều phối địa phương phối hợp với phòng để mua giống và phân rồi cùng với Ủy ban nhân dân xã phân phối theo danh sách hộ hưởng lợi. Cán bộ ADRA chịu trách nhiệm rà soát và thống nhất danh sách hộ, kế hoạch phân phối và giám sát trong suốt quá trình mua và phân phối.

(Nguồn: ADRA, 2010, *Khôi phục ban đầu sau lũ tại tỉnh Hà Tĩnh* và phỏng vấn)

- Sau thiên tai, người dân thường được cấp phát lương thực đủ ăn trong khoảng 3-6 tháng hoặc một ít tiền mặt. Vì thế cần hỗ trợ họ đảm bảo lương thực sau quãng thời gian này vì lúc đó lương thực cứu trợ đã cạn kiệt. Chương trình sinh kế thường hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi ngắn ngày (ngô, đậu, khoai...), con giống gia cầm, thủy cầm, thả cá... Đồng thời, tiến hành những hoạt động nhằm khôi phục lại diện tích đất ban đầu cho người dân (san ủi đất bị đất đá vùi lấp...). Một số chương trình hỗ trợ khác có thể là tín dụng nhỏ. Các hoạt động này cần được tiến hành kịp thời để hỗ trợ người dân ổn định lại cuộc sống của mình ở vùng cao.

- Loại cây/con phải đáp ứng đúng nhu cầu của dân cư địa phương và phù hợp với năng lực thực hiện của họ. Do vậy, các sáng kiến cộng đồng luôn được đặt lên ưu tiên khi lựa chọn cây và con giống. Ví dụ, trong dự án “Cộng đồng tham gia phòng ngừa lũ quét và lở đất, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hà Giang” chính cộng đồng là bên đề xuất các hoạt động phù hợp với điều kiện của họ như “xây dựng vườn ươm”, “trồng cỏ VA06”, “trồng khoai tây”, “Trồng nấm”

Tại Hà Giang, dự án đã cung cấp khóa đào tạo và cung cấp giống cho 85 hộ gia đình thuộc diện tái định cư và nghèo đói. Thời gian đầu, chỉ có 85 hộ gia đình được hỗ trợ nhưng sau đó, trồng cỏ đã lan tới hầu hết các thôn trong xã. Năm 2010, 100% hộ gia đình trong thôn đã tham gia trồng cỏ. “Cỏ VA 06 rất dễ trồng, trâu bò rất thích ăn. Nếu cắt cỏ gần gốc thì cây sẽ lớn rất nhanh”. Việc trồng cỏ đã góp phần làm tăng nguồn cung thực phẩm cho gia súc vốn rất

khó khăn nhất là vào mùa đông ở vùng núi khi cây cối thực vật đều bị chết do lạnh giá. Cỏ VA 06 thích ứng tốt với thời tiết giá lạnh mùa đông, hạn hán vào mùa hè. Rễ của cây đủ dài để đâm sâu vào lòng đất ngăn cản thoái hóa đất và hấp thụ các chất độc hại trong không khí.

(Nguồn: Trung tâm phát triển bền vững miền núi, 2010, *Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án: Cộng đồng tham gia phòng chống lũ quét, sạt lở và thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Hà Giang*)

➤ Các tổ chức phi chính phủ và tổ chức cộng đồng tại địa phương là những đối tác hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động sinh kế. Các tổ chức này hiểu rõ hoàn cảnh địa phương, ngôn ngữ, văn hóa bản địa, tiềm năng huy động sự tham gia của cộng đồng tại địa phương, có uy tín với cộng đồng. Ví dụ như ở Hà Tĩnh, Trung tâm phát triển cộng đồng Hà Tĩnh (HCCD) có 7 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực Môi trường, Giới, quyền phụ nữ, Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và các lĩnh vực khác liên quan tới Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Các cán bộ của trung tâm đã từng làm việc tại tổ chức Action Aid Việt Nam (AAV) để thực hiện các chương trình phát triển tại 11 xã ở Hà Tĩnh từ năm 1995-2005.

➤ Các trường Đại học/Học viện đóng vai trò là tư vấn kỹ thuật trong việc lựa chọn các loại cây/con, đặc biệt là trong trường hợp loại cây/con này là giống mới do các Trường/viện có phương pháp và kinh nghiệm trong việc đánh giá sự phù hợp của các loại cây/con mới này đối với khu vực.

Giới thiệu trồng cây vani của Trường Đại học Huế và Kyoto

Hồng Hạ là vùng cao có điều kiện khí hậu đặc trưng của vùng cao miền Trung Việt Nam. Ở xã Hồng Hạ, người dân tộc Cơ Tu và dân tộc Tà Ôi chiếm 90% dân số, mỗi hộ gia đình đều sở hữu khu vườn rộng từ 500-3000 m² nhưng chưa được tận dụng triệt để nguồn đất này. Khí hậu nơi đây khá khắc nghiệt, thời tiết thay đổi bất thường nên bị hạn hán vào mùa khô và lũ lụt vào mùa mưa.

Cây vani là một loại cây công nghiệp, rất phù hợp với người dân ở đây để sử dụng hiệu quả đất đai, có khả năng chống chọi với lụt và hạn hán. Đồng thời, cây vani là loại cây có giá trị kinh tế cao, mang lại nguồn thu nhập mới cho người dân. Cây vani dễ trồng và dễ chăm sóc.

Sau 2 năm thực hiện, có thêm nhiều hộ gia đình muốn tham gia vào dự án (từ 8 hộ, tăng thêm thành 13 hộ), năng lực nuôi trồng cây của người dân ngày càng tốt, người dân có thể tự do và đánh giá tăng trưởng của cây, chăm sóc uốn và bón phân cho cây. Trong suốt quá trình, người dân thường xuyên gặp nhau và gặp gỡ các chuyên gia để chia sẻ kinh nghiệm.

(Nguồn: JICA - Đại học Huế - Đại học Kyoto: *Chương trình đối tác phát triển: Nâng cao năng lực thích ứng và sinh kế bền vững cho cộng đồng nhằm đối phó với Thảm họa tự nhiên ở miền Trung Việt Nam*)



Hình 21: Trồng cây Vanilla ở xã Hồng Hạ, tỉnh Thừa Thiên Huế (JICA, CARD)

7.2.2 Vai trò của cộng đồng trong việc lựa chọn các hộ gia đình phù hợp để thực hiện các hoạt động sinh kế và trong quá trình thực hiện các hoạt động sinh kế

Khác với giai đoạn cứu trợ khẩn cấp, hoạt động sinh kế phục hồi sau thiên tai đòi hỏi năng lực và nguồn lực của các hộ gia đình để đảm bảo tính bền vững. Do vậy, cần phải hài hòa giữa các tiêu chí tình nguyện/có nhu cầu và đánh giá của các nhóm tham gia.

Ví dụ, các tiêu chí để chọn hộ gia đình tham gia nuôi dê ở Hồng Hạ là:

- Hộ gia đình có nhu cầu nuôi dê.
- Hộ gia đình có vị trí/địa thế phù hợp.
- Hộ gia đình có thời gian và nhân sự để chăm sóc dê.
- Hộ gia đình nghèo và trung bình được ưu tiên.
- Hộ gia đình được phân bố đều trong các xã để tạo điều kiện thuận lợi nhân rộng khi mô hình thành công.

Để lựa chọn các hộ phù hợp, nhóm chuyên gia sẽ thảo luận cùng người dân, đánh giá và lựa chọn hộ gia đình phù hợp. Sau đó, nhóm chuyên gia cũng họp tác với cán bộ xã và thôn để tổng kết thành danh sách cuối cùng.

7.2.3 Huy động sự tham gia của phụ nữ thiểu số ở vùng cao trong các hoạt động sinh kế

Tại vùng cao, phụ nữ phải làm nhiều công việc nặng nhọc để có đủ thức ăn trong gia đình, chăm sóc con cái và thiếu những cơ hội để tham gia vào các hoạt động xã hội, nâng cao năng lực và có tiếng nói trong gia đình. Việc phụ nữ dân tộc tham gia vào những tổ nhóm tiết kiệm, sản xuất hàng thủ công, v.v. là những hình thức hữu hiệu để người phụ nữ nghèo và phụ nữ dân tộc được tiếp xúc với khoa học công nghệ mới, có tin tức cập nhật về cuộc sống và thị trường cũng như học cách làm chủ gia đình và sử dụng hiệu quả những nguồn lực sẵn có trong gia đình và trong cộng đồng. Đó chính là quá trình nâng cao năng lực cho phụ nữ nghèo và phụ nữ dân tộc miền núi tham gia làm nông nghiệp tại các địa phương nghèo.

Huyện Krong Nô ở vùng núi Tây Bắc của tỉnh Dak Nông. Đây là một trong huyện nghèo nhất của Dak Nông với tỉ lệ người dân tộc thiểu số là 22,9%. Một trong những mục tiêu của dự án là hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi cho phụ nữ để nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai.

(Nguồn: Đại học Huế, 2002, *Báo cáo tổng kết quản lý nguồn lực tự nhiên dựa vào cộng đồng vùng cao ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế*)

Các hoạt động sinh kế có thể gặp nhiều rủi ro trong quá trình thực hiện, ví dụ như có những hộ rút lui khỏi dự án khi họ chưa nhìn thấy tiến triển, nhất là khi giới thiệu các giống/con mới. Cuộc họp bàn thường xuyên giữa các gia đình hưởng lợi để chia sẻ kinh nghiệm theo lịch cố định hàng tuần/tháng sẽ tạo niềm tin và truyền cảm hứng cho họ.

Ví dụ: Dự án ở xã Hồng Hạ, cây vani trong thời gian đầu đã không ra hoa. Rất nhiều hộ gia đình nghi ngờ tính hiệu quả của dự án. Sau đó, khi dự án tổ chức họp mặt thường xuyên với các hộ gia đình có cây vani đã ra hoa để giúp các hộ còn lại hiểu nguyên nhân, rút kinh nghiệm thực hiện.

(Nguồn: Đại học Huế, 2002, *Báo cáo tổng kết quản lý nguồn lực tự nhiên dựa vào cộng đồng vùng cao ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế*)

Từ danh sách đăng ký của hộ gia đình, danh sách thông tin hộ gia đình hưởng lợi cũng được lập. Các cán bộ dự án, đại diện của Hội phụ nữ xã/huyện, các trưởng phó thôn tham gia vào rà soát lại thông tin của cả hộ gia đình, đến thăm từng hộ gia đình để thu thập thông tin và tư vấn cho các hộ gia đình mô hình phù hợp với họ.

Trong quá trình thực hiện, BQLDA phối hợp chặt chẽ với UBND các cấp, Hội phụ nữ xã/huyện, Ban Giảm nhẹ rủi ro thiên tai thôn để thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện.

“Mặc dù đây là một dự án giảm nhẹ rủi ro thiên tai nhưng dự án lại cũng có cả các hoạt động sinh kế cho phụ nữ nghèo. Tôi nghĩ điều này rất có giá trị...”
Chị Nguyễn Thị Bưởi ở thôn Xuyên Phước, vui vẻ cho biết.

(Nguồn: AAV, 2011, *Báo cáo hoạt động Dự án hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Dak Nông*)

7.2.4 Cần nhấn mạnh tới vai trò và hiệu quả của các hoạt động sinh kế đối với phòng ngừa và rủi ro thiên tai bên cạnh hiệu quả kinh tế

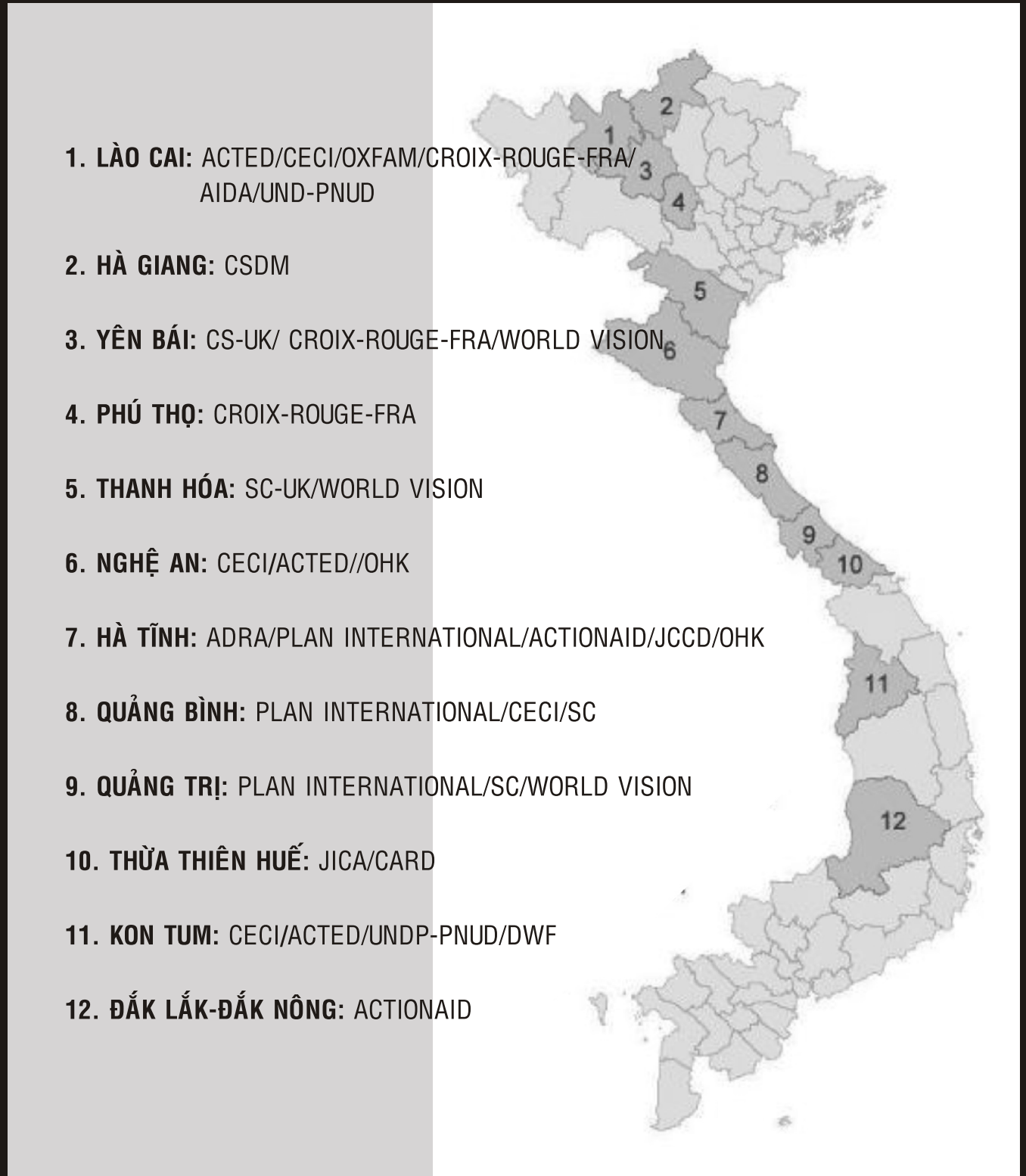
Đối với người dân vùng núi, họ vẫn quan tâm đến hiệu quả kinh tế hơn cả cho dù có giới thiệu đây là các hoạt động sinh kế góp phần giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Cần làm rõ và tăng cường nhận thức của cộng đồng dân cư về mối quan hệ giữa các hoạt động sinh kế và giảm rủi ro thiên tai. Họ cũng cần được đào tạo về các phương pháp phân tích thị trường, xây dựng các kế hoạch kinh doanh và các thông tin thị trường.

Phát triển tiểu thủ công nghệ của người dân tộc ở huyện Sa Pa, Lào Cai

Huyện Sa Pa đã có nhiều phương hướng thúc đẩy ngành tiểu thủ công nghệ của Sa Pa để gắn với phát triển du lịch của huyện. Một trong những nét văn hóa đặc sắc của Sa Pa là những sản phẩm tiểu thủ công nghệ do người phụ nữ dân tộc, đặc biệt là người Mông được bán trên những khu du lịch cộng đồng của huyện.

Phụ nữ dân tộc được hưởng lợi rất nhiều từ việc tham gia các tổ nhóm, hợp tác xã tiểu thủ công nghệ của Sa Pa để học hỏi kinh nghiệm thị trường, giao lưu, thay đổi mẫu mã ngành dệt thêu mà vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống của mình. Qua những hoạt động hỗ trợ đầu ra về thị trường, thiết kế mẫu mã, đào tạo nâng cao năng lực cho phụ nữ dân tộc tham gia tổ nhóm tiểu thủ công nghệ, văn hóa của người Mông và Dao đã đi xa hơn và được trân trọng hơn; bản thân người phụ nữ Mông và Dao cũng được tiếp xúc giao lưu để học hỏi kinh nghiệm sống, kinh nghiệm thị trường và trao đổi những thông tin quan trọng về gia đình và xã hội.

(Nguồn: anh Phạm Quốc Cường, Phó phòng nông nghiệp huyện Sa Pa, Lào Cai. Oxfam, 2009, *Báo cáo nghiên cứu đúc kết mô hình hiệu quả trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho hoạch định sinh kế bền vững* của các dự án do Oxfam quốc tế tại Việt Nam tài trợ).



Hình 22. Bản đồ địa bàn (tỉnh) của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực QLRRTT-DVCD tại vùng cao Việt Nam

PHỤ LỤC 1. CÁC DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG QLRRTT TẠI VÙNG CAO VIỆT NAM

STT	Tên dự án	Tổ chức	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Địa bàn
1	Nâng cao năng lực thích ứng và sinh kế bền vững cho cộng đồng nhằm đối phó với thảm họa thiên nhiên ở miền Trung Việt Nam (2 giai đoạn)	JICA/CARD	Tháng 12/2008	Tháng 9/2013	Huyện A Lưới, thành phố Huế, khu vực phá Tam Giang
2	Xây dựng năng lực cộng đồng ứng phó với rủi ro thiên tai lấy trẻ em làm trọng tâm	Plan International	Tháng 10/2010	Tháng 7/2011	Huyện Hướng Hóa, Dak rong, Gio Linh
3	Xây dựng năng lực cộng đồng ứng phó với rủi ro thiên tai ở vùng cao Việt Nam	ACTED/CECI	01/06/2010	31/12/2011	Huyện Tu mơ rộng (Dak Rong, Dak To Kan, Van Xuoi,) và ở Kon Ray (Dak Coi, Dak To Long); huyện Quý Hợp (Liên Hợp, Châu Định, Châu Lộc)
4	Hỗ trợ Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	AAV	Tháng 12/2009	Tháng 7/2011	Huyện Krong Nô
5	Chương trình ứng phó khẩn cấp sau bão	SC	Tháng 10/2009	Tháng 10/2010	Quảng Trị/Phú Yên
6	Hồi phục sau bão ở Hà Tĩnh	ADRA	Tháng 12/2010	Tháng 3/2011	Huyện Hương Khê
7	Hỗ trợ tiền mặt không điều kiện cho cộng đồng sống ở vùng bị ảnh hưởng sau bão tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh	Plan International	Tháng 10/2010	Tháng 10/2010	Huyện Triệu Phong (Quảng Trị), Huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa (Quảng Bình), Huyện Vũ Quang, Hương Khê (Hà Tĩnh)
8	Cứu trợ khẩn cấp cho nạn nhân bị lũ lụt và trẻ em bị ảnh hưởng bão Kammurti	SC	01/09/2009	28/02/2009	Yên Bái
9	Nâng cao năng lực ứng phó và phòng ngừa thiên tai dựa vào cộng đồng lấy trẻ em làm trọng tâm	SC - UK	01/10/2008	31/12/2009	Yên Bái, Thanh Hoá, Tiền Giang
10	Nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai của cộng đồng dễ bị tổn thương ở khu vực các xã bị ảnh hưởng thiên tai tỉnh Hà	AAV	01/09/2008	30/11/2009	Huyện Vũ Quang

STT	Tên dự án	Tổ chức	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Địa bàn
11	Nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai của cộng đồng vùng cao Việt Nam	ACTED/CECI	15/08/2008	14/11/2009	Lào Cai, Kon Tum
12	Nâng cao năng lực thích ứng và phòng ngừa với lũ quét và biến đổi khí hậu ở Hà Giang	CSDM	tháng 10/2008	tháng 10/2009	xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê và xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
13	Dự án cứu trợ khẩn cấp hỗ trợ phụ nữ/trẻ em bị ảnh hưởng của bão Kammuri	Oxfam	08/2008	02/2009	Lào Cai
14	Cứu trợ khẩn cấp và phục hồi an ninh lương thực cho vùng bị bão Kammuri, phía Bắc Việt	CROIX-ROUGE FRA	02/09/2008	01/03/2009	Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai
15	Hỗ trợ hồi phục mùa màng hư hại sau bão Kamuri và phát triển các hình thức tạo thu nhập thay thế cho nông dân huyện Bát Xát và Mường	AIDA	15/12/2008	15/08/2009	Mường Khương (Ban Sen) and Bát Xát (Muong Vi và Quang Kim), Lao Cai
16	Nâng cao khả năng tích hợp quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Chương trình phát triển vùng ở Việt	WORLD VISION	01/03/2007	30/04/2008	Xã Triệu Sơn, Triệu Trạch-Huyện Triệu Phong (Quảng Trị), xã Xa Hồ, Bản Công - huyện Trạm Tấu (Yên Bái), xã Lâm Phú, Tân Phúc, huyện Lang Chánh (Thanh Hóa)
17	Nâng cao năng lực cộng đồng với rủi ro thiên tai, đặc biệt với lũ quyetys ở vùng cao	UNDP-PNUD	15/02/2007	14/05/2008	Lào Cai, Kon Tum
18	Phục hồi sinh kế và nhà an toàn sau bão Lekima	CECI	Tháng 12/2007	Tháng 7/2008	Huyện Quế Phong, Quý Hợp (Nghệ An), Tuyên Hóa, Quảng Trạch (Quảng Bình)
19	Hỗ trợ hiệu quả ứng phó và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở	OHK	Tháng 4/2007	Tháng 12/2008	Thanh Chương (Nghệ An), Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang (Hà Tĩnh), Hải Lăng (Quảng Trị)
20	Nhà phòng ngừa thiên tai ở Kon Tum	DWF			Kon Tum

PHỤ LỤC 2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

ADRA, 2010, *Đề xuất khôi phục ban đầu sau lũ tại tỉnh Hà Tĩnh*

Action Aid Việt Nam, 2011, *Báo cáo hoạt động Dự án hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng tại huyện Krông Nô, tỉnh Dak Nông*

Asean Disaster Risk management Initiative, Sáng kiến quản lý rủi ro thiên tai các nước Đông Nam Á, 2010, *Báo cáo tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai 10 nước Đông Nam Á*

ADPC, 2005, *Quản lý thiên tai ở vùng Đông Nam Á-Tổng quan*

ADPC, 2008, *Tiến độ báo cáo và giám sát về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở Việt Nam*

CECI, 2008, *Báo cáo tổng kết Nhà an toàn và khôi phục sinh kế cho người dân khắc phục hậu quả bão Lekima*

CECI, 2009, *Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam: Bài học kinh nghiệm*

CECI, 2011, *Dự án “Xây dựng năng lực phòng ngừa và ứng phó thiên tai cho cộng đồng vùng cao Việt Nam” Tài liệu hướng dẫn sử dụng tháp báo lũ, biển cảnh báo lũ quét và sạt lở đất*

CECI, 2010, *Hệ thống tài liệu hướng dẫn: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*

CSDM (Trung tâm phát triển bền vững miền núi), 2010, *Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án FLC 08-07: Cộng đồng tham gia phòng chống lũ quét, sạt lở và thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Hà Giang*

CARE, Oxfam, World Vision, 2010, *Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Một số mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của các tổ chức CARE, Oxfam và World Vision*

DIPECHO, 2007, *Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách DANI, Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Một số điển hình làm tốt*

DWF, 2009, *Báo cáo kết quả khảo sát Kiến thức bản địa về phòng chống thiên tai và thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu*

DWF, 2010, *Báo cáo về kết quả xây nhà phòng chống thiên tai ở Kon Tum*

Đại học Huế, 2002, *Báo cáo tổng kết quản lý nguồn lực tự nhiên dựa vào cộng đồng vùng cao ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế*

Hội chữ thập đỏ Việt Nam, 2010, *Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA)*

JICA, 2008, Đại học Huế - Đại học Kyoto: *Chương trình đối tác phát triển: Nâng cao năng lực thích ứng và sinh kế bền vững cho cộng đồng nhằm đối phó với Thảm họa tự nhiên ở miền Trung Việt Nam*

JANI, 2011, *Thúc đẩy quan hệ đối tác Công-Tư về giảm nhẹ rủi ro thiên tai (bản thảo)*

John Twigg, 2004, *Các bài học về giảm rủi ro thiên tai: Phòng ngừa và giảm nhẹ trong các chương trình cứu trợ khẩn cấp và phát triển*

Minh, Đặng Quang, 2008, *Dự án UNDP về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại Việt Nam: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở Việt Nam, Tiêu chí lựa chọn các điển hình là tốt và lồng ghép Giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào chương trình 135 - Nghiên cứu trường hợp điển hình của Lào Cai, Kon Tum*

Oxfam, 2009, *Báo cáo nghiên cứu đúc kết mô hình hiệu quả trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho hoạch định sinh kế bền vững của các dự án do Oxfam quốc tế tại Việt Nam tài trợ*

Plan International, 2011, *Báo cáo đánh giá dự án: Cứu trợ bằng tiền mặt không điều kiện cho người dân vùng lũ tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị*

Plan International, 2010, *Báo cáo tổng kết hội*

thảo Làm phim có sự tham gia về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu- Dự án Nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với thiên tai lấy trẻ em làm trung tâm

Phong, Trần, Ứng dụng Hệ thống định vị địa lý và Cảm biến từ xa để quản lý rủi ro lũ lụt và môi trường ở miền Trung Việt Nam

Quân, Hà Việt, *Chương trình 135 Chia sẻ kinh nghiệm về giảm nghèo và chương trình phát triển cho đồng bào miền núi tại Việt Nam*

Quang, Phạm Hồng, *Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc miền núi*

Save the Children in Vietnam, 2010, *Báo cáo 6 tháng chương trình Viện trợ khẩn cấp bão Ketsana*

Save Children in Vietnam, 2011, *Tổng quan giới thiệu Dự án phục hồi ban đầu cho các cộng đồng bị ảnh hưởng do lũ lụt tại các tỉnh Bắc miền Trung Việt Nam*

Trường, Lê Xuân, *Trung tâm quản lý thiên tai, Lũ quét và các biện ở Việt Nam pháp giảm thiểu*

World Vision, 2008, *Báo cáo đánh giá cuối kỳ, Tăng cường lồng ghép phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng vào các chương trình phát triển vùng*

UNDP, *Báo cáo số 1: Hạn hán, cháy rừng và xâm nhập mặn*

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH THAM GIA PHỎNG VẤN

STT	Tên	Tổ chức	Chức danh
1	Lê Văn An	Trung tâm nghiên cứu và rừng và Nông nghiệp (Đại Học Huế)	Giám đốc
2	Đỗ Quốc Biên	Save the Children	Cán bộ chương trình
3	Phạm Tiến Dũng	ADRA	Quản lý chương trình
4	Nguyễn Việt Dũng	Quỹ Miền Trung	Phó giám đốc
5	Lê Văn Đậu	DWF	Cán bộ Chương trình
6	Hoàng Văn Nhật	Action Aid Việt Nam	Cán bộ chuyên trách xã Quảng Phú
7	Nguyễn Hồng Nguyên	Trung tâm phát triển cộng đồng Hà Tĩnh	Cán bộ
8	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Thanh Thành (Quảng Bình)	Chủ tịch xã
9	Nguyễn Trọng Ninh	Plan International	Quản lý chương trình
10	Đinh Thị Hồng Phương	Save the Children	Cán bộ chương trình
11	Cao Đình Phong	Chữ thập đỏ xã Cổ Liêm	Chủ tịch Hội CTĐ xã Cổ Liêm
12	Nguyễn Văn Phước	(Quảng Bình) World Vision	Cán bộ phụ trách Cứu trợ và Giảm nhẹ thiên tai tại Đà Nẵng
13	Nguyễn Hữu Phúc	Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai	Giám đốc
14	Nguyễn Trọng Tường	Action Aid Việt Nam	Cán bộ - văn phòng Action Aid Việt Nam khu vực miền Trung Tây nguyên
15	Nguyễn Hữu Trương	HĐND xã Thanh Hóa (Quảng Bình)	Chủ tịch HĐND xã
16	Hà Cẩm Tâm	WSPA	Cán bộ liên lạc WSPA tại Việt Nam
17	Nguyễn Quang Thạch	Tủ sách Làng quê	Giám đốc
18	Ngô Anh Tuấn	Tập đoàn FPT	Cán bộ phòng CSR
19	Phan Công Tuấn	CECI	Giám đốc quốc gia
20	Nguyễn Hữu Hiếu	CECI	Cán bộ điều phối dự án